

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Mai Anh

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO
KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM
KHẨU VỊ GIA ĐÌNH

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN-KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Mai Anh

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG - 2016

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Mai Anh

Mã SV: 1413401015

Lớp: QTL801K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác lập và phân tích báo cáo kết quả kinh doanh
tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: MỘT SỐ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.	2
1.1.Một số vấn đề chung về hệ thống Báo cáo tài chính doanh nghiệp theo quyết định 48/2006/ QĐ-BTC.....	2
1.1.1.Khái niệm về Báo cáo tài chính	2
1.1.2.Mục đích của Báo cáo tài chính theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC.....	2
1.1.3.Đối tượng áp dụng Báo cáo tài chính theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC.....	3
1.1.4.Hệ thống Báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC.....	3
1.1.4.1.Hệ thống Báo cáo tài chính năm	3
1.1.4.2.Hệ thống Báo cáo tài chính giữa niên độ	4
1.1.5.Yêu cầu lập và trình bày Báo cáo tài chính.....	4
1.1.6.Trách nhiệm lập, thời hạn lập và gửi Báo cáo tài chính theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC.....	6
1.1.6.1.Trách nhiệm lập, thời hạn lập và gửi Báo cáo tài chính	6
1.1.6.2.Nơi nhận Báo cáo tài chính năm theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC.....	6
1.2.Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và phương pháp lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
1.2.1.Khái niệm, nội dung và kết cấu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	6
1.2.1.1.Khái niệm Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
1.2.1.2.Nội dung và kết cấu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
1.2.2.Cơ sở lập và trình tự lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
1.2.2.1.Cơ sở lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	7
1.2.2.2.Trình tự lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
1.2.3.Nội dung và phương pháp lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
1.3.Một số sự khác biệt giữa thông tư 200/2014/TT-BTC và quyết định 48/2006/QTC-BTC về bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
1.4.Phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11
1.4.1.Mục đích, ý nghĩa của phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh .	11
1.4.1.1.Khái niệm phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	11

1.4.1.2.Mục đích và ý nghĩa của phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	12
1.4.2.Phương pháp phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	13
1.4.2.1.Nội dung phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	14
a.Phân tích BCKQHĐKD theo chiều ngang.....	14
b.Phân tích kết cấu giá vốn hàng bán và chi phí quản lí kinh doanh...trong doanh thu.....	15
c.Phân tích hình tình tài chính thông qua tỷ số phản ánh khả năng sinh lời.....	16
CHƯƠNG 2: THỰC TẾ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM KHẨU VỊ GIA ĐÌNH	19
2.1.Giới thiệu khái quát về Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.....	19
2.1.1.Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.....	19
2.1.1.1.Khái quát về lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình	19
2.1.1.2.Chức năng và nhiệm vụ của Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.....	20
2.1.1.3.Những thuận lợi và khó khăn của Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.....	21
a.Thuận lợi:.....	21
b.Khó khăn:	22
c.Những thành tích đã đạt được:	22
2.1.2.Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình	23
2.1.3.Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.....	24
2.1.3.1.Đặc điểm bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.....	24
2.1.3.2.Hình thức ghi sổ kế toán và các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty	25
2.2.Thực tế công tác lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.....	27
2.2.1.Nguồn số liệu để lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.....	27

2.2.2.Trình tự lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.....	27
2.2.2.1.Quy trình lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty	27
2.2.2.2.Nội dung lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty	27
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DANH TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM KHẨU VỊ GIA ĐÌNH.....	46
3.1.Định hướng phát triển của Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình. .	46
3.2.Đánh giá chung về công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.....	47
3.2.1.Uưu điểm công tác lập, phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.....	47
3.2.2.Hạn chế công tác lập, phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.....	49
3.3.Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình....	50
3.3.1.Ý kiến thứ nhất: Công ty nên lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và mở sổ chi tiết doanh thu, giá vốn hàng bán để xác định lãi lỗ của từng mặt hàng.....	50
3.3.2.Ý kiến thứ hai: Công ty nên tiến hành phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	54
3.3.2.1.Xây dựng quy trình phân tích BCKQHĐKD.....	54
3.3.2.2.Thực hiện tiến hành phân tích BCKQHĐKD	55
3.3.3.Ý kiến thứ ba Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán máy	62
KẾT LUẬN	67
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	67

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	8
Bảng 1.2 Phân tích BCKQHĐKD theo chiều ngang	15
Bảng 1.3 Phân tích kết cấu giá vốn hàng bán và chi phí quản lý kinh doanh.....	16
Bảng 1.4 Phân tích tỷ suất sinh lời.....	18
Bảng 2.1 Một số chỉ tiêu tài chính trong ba năm 2013, 2014 và 2015 của Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.....	22
Bảng 3.1 Phân tích BCKQHĐKD theo chiều ngang	56
Bảng 3.2 Phân tích sự biến động của giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh qua hai năm 2014 và 2015.....	58
Bảng 3.3 Phân tích các tỷ suất sinh lời	61

DANH MỤC BIỂU

Biểu số 2.1 Hóa đơn GTGT số 0011719 ngày 04/07/2015	30
Biểu số 2.2 Phiếu thu.....	31
Biểu số 2.3 Sổ Nhật ký chung	32
Biểu số 2.4 Sổ cái TK 111.....	33
Biểu số 2.5 Sổ cái TK 511.....	34
Biểu số 2.6 Sổ cái TK 632.....	36
Biểu số 2.7 Sổ cái TK 642.....	37
Biểu số 2.8 Bảng cân đối số phát sinh tài khoản.....	41
Biểu số 2.9 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty	45
Biểu số 3.1 Sổ chi tiết bán hàng.....	51
Biểu số 3.2 Sổ chi tiết giá vốn hàng bán.....	52
Biểu số 3.3 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	53

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1 Sơ đồ về bộ máy tổ chức quản lí của công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.....	23
Sơ đồ 2.2 Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH thực phẩm khẩu vị Gia Đình.....	25
Sơ đồ 2.3 Sơ đồ hình thức kế toán tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị.....	26
Sơ đồ 2.4 Trình tự lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.....	28
Sơ đồ 2.5 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình năm 2015	38
Sơ đồ 3.1 Quy trình phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	54

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 3.1 Giao diện phần mềm kế toán MISA.SME 2015	63
Hình 3.2 Giao diện phần mềm kế toán máy ECOOUNT	64
Hình 3.3 Giao diện kế toán Fast Accounting.....	65
Hình 3.4 Các phân hệ của kế toán máy MISA SME.NET 2015-Starter.....	66

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Diễn giải	Ký hiệu
1	Báo cáo tài chính	BCTC
2	Doanh nghiệp	DN
3	Tài sản	TS
4	Tài khoản	TK
5	Nguồn vốn	NV
6	Kinh doanh	KD
7	Sản xuất	SX
8	Nhà nước	NN
9	Kế toán	KT
10	Bảng cân đối kế toán	BCĐKT
11	Bảng báo cáo kết quả kinh doanh	BCKQKD
12	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	BCLCTT
13	Bản thuyết minh báo cáo tài chính	TMBCTC
14	Bảng cân đối tài khoản	BCĐTK
15	Phương pháp	PP
16	So sánh	SS
17	Sổ Nhật ký chung	NKC
18	Sổ cái	SC
19	Hóa đơn giá trị gia tăng	HD GTGT
20	Vốn chủ sở hữu	VCSH

LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế Việt Nam đang ngày càng phát triển chính vì vậy thị trường cạnh tranh giữa các doanh nghiệp là vô cùng gay gắt. Để tìm chỗ đứng riêng cho mình, các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến, hoàn thiện hơn về nhiều mặt như quản lý, marketing, khoa học kỹ thuật..Việc nắm bắt nhu cầu thị trường một cách chính xác và nhanh nhạy là vô cùng quan trọng giúp doanh nghiệp đưa ra những biện pháp đúng đắn, hợp lý và đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra một cách liên tục và đạt kết quả cao. Đối với các doanh nghiệp thì Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một trong những báo cáo tài chính vô cùng quan trọng nhằm tổng hợp và trình bày một cách tổng quát và toàn diện về kết quả kinh doanh trong kỳ,..Thông qua đó, nhà quản lý sẽ tiến hành phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thực trạng tài chính trong doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh với công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp, cùng với những lý luận đã tiếp thu tại nhà trường cùng với quá trình thực tập tại doanh nghiệp em đã mạnh dạn đi sâu nghiên cứu đề tài: ‘Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình’ làm đề tài khóa luận của mình.

Ngoài lời mở đầu và phần kết luận, bài khóa luận của em được chia làm 3 chương như sau:

Chương 1: Một số lý luận chung về công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp .

Chương 2: Thực tế công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.

Bài khóa luận của em được hoàn thành là nhờ sự giúp đỡ tạo điều kiện của ban Giám đốc và các cán bộ phòng Tài chính-kế toán của Công ty, đặc biệt là sự chỉ bảo tận tình của *Thạc sĩ Hòa Thị Thanh Hương*. Tuy nhiên, do thời gian và trình độ có hạn nên bài báo cáo của em khó tránh khỏi sai sót, em rất mong nhận được sự chỉ bảo tận tình của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn chỉnh hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm 2016

Sinh viên

Phạm Mai Anh

CHƯƠNG 1

MỘT SỐ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1. Một số vấn đề chung về hệ thống Báo cáo tài chính doanh nghiệp theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC

1.1.1. Khái niệm về Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính (BCTC) là một trong hai loại báo cáo của hệ thống báo cáo kế toán doanh nghiệp (DN). Báo cáo tài chính được lập theo những chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

Báo cáo tài chính là những báo cáo tổng hợp nhất về tình hình tài sản, vốn chủ sở hữu và nợ phải trả cũng như tình hình tài chính, kết quả kinh doanh trong kỳ của DN. Nói cách khác, Báo cáo kế toán tài chính là phương tiện trình bày khả năng sinh lời và thực trạng tài chính của DN cho những người quan tâm (chủ DN nhà đầu tư, nhà cho vay, cơ quan thuế và các cơ quan chức năng,...). Vì vậy, BCTC vừa là phương pháp kế toán vừa là hình thức thể hiện, chuyển tải thông tin kế toán tài chính đến những người sử dụng để ra các quyết định kinh tế.

1.1.2. Mục đích của Báo cáo tài chính theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC

Hệ thống BCTC áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa được lập với mục đích sau:

- Tổng hợp và trình bày một cách tổng quát, toàn diện tình hình tài sản (TS), nguồn vốn (NV) hình thành tài sản của doanh nghiệp, tình hình và kết quả hoạt động sản xuất (SX), kinh doanh (KD) của doanh nghiệp trong một năm tài chính.

- Cung cấp các thông tin kinh tế (KT), tài chính chủ yếu cho việc đánh giá tình hình và kết quả hoạt động của doanh nghiệp, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp trong năm tài chính đã qua và những dự đoán trong tương lai. Thông tin của BCTC là căn cứ quan trọng cho việc đề ra những quyết định về quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh hoặc đầu tư vào các công ty của các chủ doanh nghiệp, chủ sở hữu, các nhà đầu tư, các chủ nợ hiện tại và tương lai của doanh nghiệp, đồng thời cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu quản lý vĩ mô của Nhà nước (NN).

Để trở thành công cụ quan trọng trong quản lý kinh tế, Báo cáo tài chính phải đảm bảo các yêu cầu cơ bản dưới đây:

- Báo cáo tài chính phải được lập chính xác, trung thực, đúng mẫu biểu đã qui định, có đầy đủ chữ ký của những người có liên quan và phải có dấu xác nhận của cơ quan, đơn vị để đảm bảo tính pháp lý của báo cáo.

- Báo cáo tài chính phải đảm bảo tính thống nhất về nội dung, trình tự và phương pháp lập theo quyết định của nhà nước, từ đó người sử dụng có thể so sánh, đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp qua các thời kỳ, hoặc giữa các doanh nghiệp với nhau.

- Số liệu phản ánh trong Báo cáo tài chính phải rõ ràng, đủ độ tin cậy và dễ hiểu, đảm bảo thuận tiện cho những người sử dụng thông tin trên Báo cáo tài chính phải đạt được mục đích của họ.

- Báo cáo tài chính phải được lập và gửi theo đúng thời hạn quy định.

Ngoài ra, Báo cáo tài chính còn phải đảm bảo tuân thủ các khái niệm cũng như nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận và ban hành. Có như vậy hệ thống Báo cáo tài chính mới thực sự hữu ích, mới đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của các đối tượng sử dụng để đưa ra các quyết định phù hợp

1.1.3. Đối tượng áp dụng Báo cáo tài chính theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Hệ thống Báo cáo tài chính năm được áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế trong cả nước là công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân. Các hợp tác xã cũng áp dụng Hệ thống Báo cáo tài chính năm quy định tại chế độ kế toán theo quyết định số 48/QĐ-BTC được ban hành ngày 14/09/2006.

Hệ thống BCTC theo quyết định này không áp dụng cho doanh nghiệp nhà nước, công ty TNHH Nhà nước một thành viên, công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán, hợp tác xã nông nghiệp và hợp tác xã tín dụng.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực đặc thù tuân thủ theo quy định tại chế độ kế toán (KT) do Bộ Tài chính ban hành hoặc chấp thuận cho ngành ban hành.

1.1.4. Hệ thống Báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

1.1.4.1. Hệ thống Báo cáo tài chính năm

Báo cáo tài chính năm gồm:

Tên gọi	Mẫu số
Danh mục BCTC cho doanh nghiệp vừa và nhỏ	
1. Bảng cân đối kế toán(BCĐKT)	B01-DNN
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (BCKQHĐKD)	B02-DNN
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (BCLCTT) (Báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập)	B03-DNN
4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (TMBCTC)	B09-DNN
5. Phụ biểu: Bảng Cân đối tài khoản (BCĐTK)	F01-DNN

1.1.4.2. Hệ thống Báo cáo tài chính giữa niên độ

Theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC không quy định BCTC giữa niên độ (DN có thể lập phục vụ quản lí của mình).

Nội dung, phương pháp tính toán, hình thức trình bày các chỉ tiêu trong từng báo cáo quy định trong chế độ này được áp dụng thống nhất cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc đối tượng áp dụng hệ thống báo cáo tài chính này.

Trong quá trình áp dụng, nếu thấy cần thiết, các doanh nghiệp có thể bổ sung, các chỉ tiêu cho phù hợp với từng lĩnh vực hoạt động và yêu cầu quản lí của doanh nghiệp. Trường hợp có sửa đổi thì phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

1.1.5. Yêu cầu lập và trình bày Báo cáo tài chính

Khi lập và trình bày Báo cáo tài chính thì Báo cáo tài chính phải tuân thủ nguyên tắc đã được quy định tại chuẩn mực kế toán số 21 – ‘Trình bày Báo cáo tài chính’ được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính là:

Báo cáo tài chính phải trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh, các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính phải được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.

Doanh nghiệp cần nêu rõ trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính là Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính được coi là lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam nếu báo cáo tài chính tuân thủ mọi quy định của từng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính.

Trường hợp doanh nghiệp sử dụng chính sách kế toán khác với quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam, không được coi là tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành dù đã thuyết minh đầy đủ trong chính sách kế toán cũng như trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

Để lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, doanh nghiệp cần:

1) Lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán phù hợp với các quy định, doanh nghiệp phải lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính phù hợp với quy định của từng chuẩn mực kế toán.

Trường hợp chưa có quy định ở chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán hiện hành, doanh nghiệp căn cứ vào chuẩn mực chung để xây dựng các phương pháp kế toán hợp lý nhằm đảm bảo báo cáo tài chính cung cấp được các thông tin đáp ứng các yêu cầu:

- Thích hợp với nhu cầu ra các quyết định kinh tế của người sử dụng.
- Trình bày trung thực, khách quan, không thiên vị, hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.
- Phản ánh đúng bản chất kinh tế của các giao dịch và sự kiện không chỉ đơn thuần phản ánh hình thức hợp pháp của chúng.
- Tuân thủ nguyên tắc thận trọng.
- Trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu.

2) Trình bày các thông tin, kể cả các chính sách kế toán, nhằm cung cấp thông tin phù hợp, đáng tin cậy, so sánh được và dễ hiểu.

3) Cung cấp các thông tin bổ sung khi quy định trong chuẩn mực kế toán không đủ để giúp cho người sử dụng hiểu được tác động của những giao dịch hoặc những sự kiện cụ thể đến tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.6. Trách nhiệm lập, thời hạn lập và gửi Báo cáo tài chính theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

1.1.6.1. Trách nhiệm lập, thời hạn lập và gửi Báo cáo tài chính

Tất cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc đối tượng áp dụng hệ thống Báo cáo tài chính theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC phải lập và gửi Báo cáo tài chính năm theo đúng quy định của chế độ này.

Đối với các công ty TNHH, công ty cổ phần và các hợp tác xã thời hạn gửi Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh, thời hạn gửi Báo cáo tài chính năm chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Các doanh nghiệp có thể lập Báo cáo tài chính hàng tháng, quý để phục vụ yêu cầu quản lý và điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.6.2. Nơi nhận Báo cáo tài chính năm theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC

Theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC nơi nhận BCTC năm được quy định như sau:

Loại hình doanh nghiệp	Nơi nhận BCTC		
	Cơ quan Thuế	Cơ quan đăng kí kinh doanh	Cơ quan thống kê
Công ty TNHH, Công ty Cổ phần, Công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân	x	x	x
Hợp tác xã	x	x	

1.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và phương pháp lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1.2.1. Khái niệm, nội dung và kết cấu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1.2.1.1. Khái niệm Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là Báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tổng quát tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ hoạt động của doanh nghiệp và chi tiết cho các hoạt động kinh doanh chính. Nói cách khác

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là phương tiện trình bày khả năng sinh lời và thực trạng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2.1.2. Nội dung và kết cấu của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm kết quả kinh doanh và kết quả khác.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm có 5 cột (Bảng 1.1)

- Cột A: Các chỉ tiêu báo cáo
- Cột B: Mã số các chỉ tiêu tương ứng
- Cột C: Số hiệu tương ứng với các chỉ tiêu của báo cáo này được thể hiện chỉ tiêu trên bản thuyết minh báo cáo tài chính.
- Cột số 1: Tổng số phát sinh trong năm báo cáo.
- Cột số 2: Số liệu của năm trước (để so sánh)

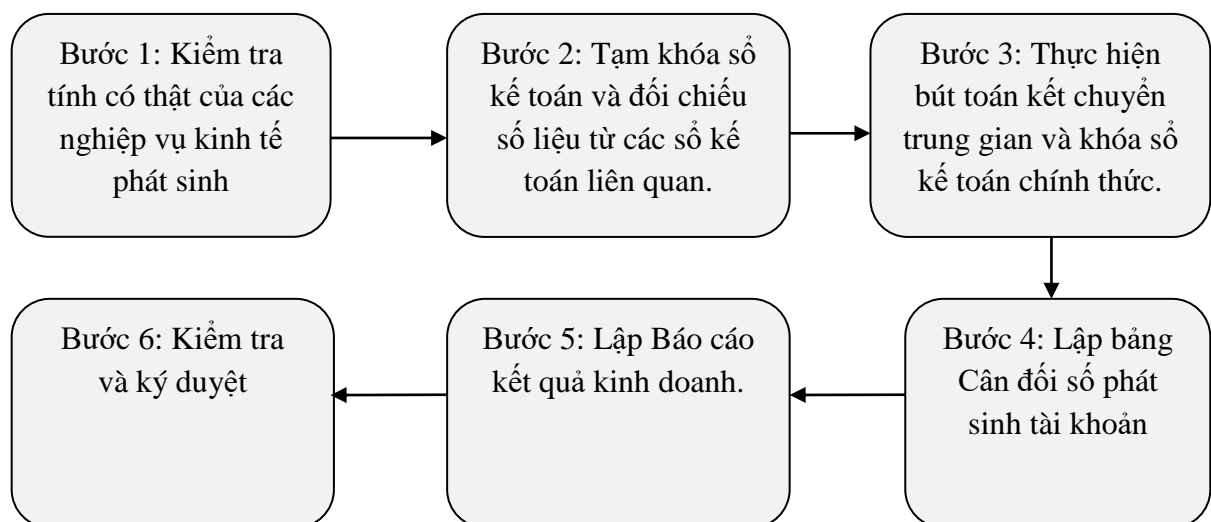
1.2.2. Cơ sở lập và trình tự lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1.2.2.1. Cơ sở lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Căn cứ vào BCKQHĐKD năm trước.
- Căn cứ sổ cái, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết trong năm dùng cho các tài khoản (TK) từ loại 5 đến loại 9.

1.2.2.2. Trình tự lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Trình tự lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày tại (Sơ đồ 1.1).



Sơ đồ 1.1 Trình tự lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1.2.3. Nội dung và phương pháp lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 1.1 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Mẫu số B02 – DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Đơn vị báo cáo:.....

Địa chỉ:.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm

Đơn vị tính:.....

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	(1)	(2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10			
4. Giá vốn hàng bán	11			
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20			
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21			
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24			
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30			
10. Thu nhập khác	31			
11. Chi phí khác	32			
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09		
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51			
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60			

Lập ngày.....tháng.....năm

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên)

- Cột A: Các chỉ tiêu báo cáo.
- Cột B: Mã số các chỉ tiêu tương ứng.
- Cột C “Thuyết minh” của báo cáo này thể hiện số liệu chi tiết của chỉ tiêu này trong bảng thuyết minh báo cáo tài chính năm.
- Cột 2 “Năm trước” của báo cáo năm nay được căn cứ vào số liệu ghi ở cột 1 “Năm nay” của từng chỉ tiêu tương ứng của báo cáo này năm trước hoặc theo số đã điều chỉnh trong trường hợp phát hiện ra sai sót trọng yếu của các năm trước có ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong các năm trước phải điều chỉnh hồi tố.

- Cách lập các chỉ tiêu ghi vào cột 1 ‘năm nay’. Cụ thể như sau:

✓ **Mã số 01 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Có TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" trong kỳ báo cáo trên sổ cái hoặc nhật ký-sổ cái TK 511.

✓ **Mã số 02 - Các khoản giảm trừ doanh thu**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế phát sinh bên Nợ TK511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” đối ứng với bên có TK521 “Các khoản giảm trừ doanh thu”, TK333 “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước” (TK3331) với phương pháp kế toán thuế trực tiếp và (TK 3332, 3333) với cả hai phương pháp kế toán thuế trực tiếp và khấu trừ trong kỳ báo cáo trên sổ cái hoặc nhật ký-sổ cái TK 333.

✓ **Mã số 10 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

$$\text{Mã số 10} = \text{Mã số 01} - \text{Mã số 02}$$

✓ **Mã số 11 - Giá vốn hàng bán**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Có tài khoản 632 "Giá vốn hàng bán" đối ứng với bên Nợ của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái hoặc nhật ký-sổ cái TK 632.

✓ **Mã số 20 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

$$\text{Mã số 20} = \text{Mã số 10} - \text{Mã số 11}$$

✓ **Mã số 21 - Doanh thu hoạt động tài chính**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Nợ tài khoản 515 "Doanh thu hoạt động tài chính" đối ứng với bên Có của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái hoặc nhật ký-sổ cái TK 515.

✓ **Mã số 22 - Chi phí tài chính**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Có tài khoản 635 "Chi phí tài chính" đối ứng với bên Nợ của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái hoặc nhật ký- sổ cái TK 635.

✓ **Mã số 23 - Chi phí lãi vay**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào Sổ kế toán chi tiết tài khoản 635 "Chi phí tài chính".

✓ **Mã số 24: Chi phí quản lý kinh doanh**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng cộng số phát sinh bên có của TK642 "Chi phí quản lý kinh doanh", đối ứng với bên Nợ TK911 trong năm báo cáo trên sổ cái hoặc nhật ký-sổ cái TK 642.

✓ **Mã số 30 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**

$$\text{Mã số 30} = \text{Mã số 20} + (\text{Mã số 21} - \text{Mã số 22}) - \text{Mã số 24} .$$

Nếu Kết quả là âm (lỗ) thì ghi trong ngoặc đơn (...)

✓ **Mã số 31 - Thu nhập khác**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Nợ tài khoản 711 "Thu nhập khác" đối ứng với bên Có của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái hoặc nhật ký-sổ cái TK 711.

✓ **Mã số 32 - Chi phí khác**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Có tài khoản 811 "Chi phí khác" đối ứng với bên Nợ của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái hoặc nhật ký-sổ cái TK 811.

✓ **Mã số 40 - Lợi nhuận khác**

$$\text{Mã số 40} = \text{Mã số 31} - \text{Mã số 32}$$

✓ **Mã số 50 - Tổng lợi tức trước thuế**

$$\text{Mã số 50} = \text{Mã số 30} + \text{Mã số 40}$$

✓ **Mã số 51 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng phát sinh bên Có TK 821 "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp" đối ứng với bên Nợ TK 911 trên sổ kế toán chi tiết TK 821.

✓ **Mã số 60 - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**

$$\text{Mã số 60} = \text{Mã số 50} - \text{Mã số 51}$$

1.3. Một số sự khác biệt giữa thông tư 200/2014/TT-BTC và quyết định 48/2006/QTC-BTC về bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

+ Thông tư số 200/2014/TT-BTC yêu cầu kỳ lập Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm BCKQHĐKD quý (gồm cả quý IV) và BCKQHĐKD bán niên.

+ Theo điều 106 của Thông tư số 200/2014/TT-BTC khi không đáp ứng giả định hoạt động liên tục, doanh nghiệp vẫn phải trình bày đủ Báo cáo tài chính và ghi rõ là: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục – Mẫu B02/CDHĐ – DNKLT và được trình bày theo mẫu chung tương tự doanh nghiệp hoạt động bình thường.

+ Theo thông tư 200/2014/TT-BTC, cột Thuyết minh trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh để trống để doanh nghiệp tự xác định mã chi tiết. Còn đối với quyết định 48/2006/QTC-BTC thì doanh nghiệp bắt buộc phải thuyết minh, trình bày mã (IV08, IV09) trong cột Thuyết minh (Cột C) của bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh để giúp cho người sử dụng BCTC hiểu rõ hơn các khoản mục doanh thu và chi phí.

+ Thông tư 200/2014/TT-BTC bổ sung thêm một số chỉ tiêu trong BCKQHĐKD. Cụ thể là:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại - (Mã số 52)
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu - (Mã số 70)
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu - (Mã số 71)

+ Theo quyết định 48/2006/QTC-BTC thì chỉ tiêu ‘Chi phí quản lý kinh doanh’ là Mã 24 còn đối với Thông tư 200/TT-BTC thì bao gồm ‘ Chi phí bán hàng’- Mã 25 và ‘ Chi phí quản lý doanh nghiệp’- Mã 26.

+ Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh yêu cầu đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân yêu cầu ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.

1.4. Phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1.4.1. Mục đích, ý nghĩa của phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1.4.1.1. Khái niệm phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là quá trình nghiên cứu để đánh giá toàn bộ quá trình và là quá trình xem xét, đánh giá các chỉ tiêu kinh tế, so sánh số liệu tài chính hiện hành với quá khứ trên cơ sở số liệu chủ yếu là Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, chỉ ra những mặt

manh cần phát huy và những yếu kém cần khắc phục trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cùng nguyên nhân và giải pháp liên quan tới vấn đề được đánh giá.

1.4.1.2. Mục đích và ý nghĩa của phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giúp đánh giá đầy đủ và chính xác tình hình phân phối và sử dụng quản lý các loại vốn, nguồn vốn, vạch rõ khả năng tiềm tàng về vốn của doanh nghiệp. Từ đó đề ra biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, giúp doanh nghiệp củng cố tốt hơn hoạt động tài chính. Phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là công cụ không thể thiếu phục vụ cho công tác quản lý của cơ quan cấp trên, cơ quan tài chính, ngân hàng như đánh giá thực hiện các chế độ và chính sách về tài chính của nhà nước.....

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giúp định hướng các quyết định của ban giám đốc như: quyết định đầu tư, quyết định tài trợ, phân chia lợi tức, cổ phần.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tạo ra các chu kỳ đánh giá đều đặn về các hoạt động kinh doanh quá khứ, cân đối tài chính và khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, trả nợ, rủi ro tài chính của doanh nghiệp.

- *Đối với chủ sở hữu:* Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giúp đánh giá hiệu quả của quá trình sản xuất kinh doanh, khả năng điều hành của nhà quản trị để quyết định sử dụng hoặc bãi miễn nhà quản trị hay quyết định việc phân phối Kết quả kinh doanh.

- *Đối với chủ nợ (Ngân hàng, các nhà cho vay, nhà cung cấp):* mối quan tâm hướng vào khả năng trả nợ của doanh nghiệp. Vì vậy cần chú ý đến tình hình và khả năng thanh toán cũng như quan tâm đến lượng vốn chủ sở hữu hay khả năng sinh lời để đánh giá đơn vị có khả năng trả nợ được hay không trước khi quyết định cho vay hay bán chịu sản phẩm .

- *Đối với nhà đầu tư trong tương lai:* phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị qua các thời kỳ, để quyết định đầu tư vào đơn vị hay không, đầu tư dưới hình thức nào và đầu tư vào lĩnh vực nào.

- *Đối với cơ quan chức năng:* Thông qua cơ quan thuế, thông qua thông tin trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh xác định các nghĩa vụ đơn vị phải thực hiện đối với nhà nước, cơ quan thống kê tổng hợp phân tích hình thành số liệu thống kê, chỉ số thống kê.

Vì vậy mà việc thường xuyên phân tích tình hình tài chính nói chung hay phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng giúp cho DN thấy được mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến tình hình tài chính DN để đề ra các biện pháp hữu hiệu nâng cao chất lượng, công tác quản lý.

1.4.2. Phương pháp phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Có thể sử dụng một hay nhiều các phương pháp khác nhau trong hệ thống các phương pháp dùng để phân tích tài chính của doanh nghiệp. Những phương pháp thường dùng trong phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là: Phương pháp so sánh, phương pháp tỉ lệ, phương pháp cân đối.

a. Phương pháp so sánh

- Là phương pháp (PP) được sử dụng rộng rãi, phổ biến trong phân tích tình hình tài chính nói chung và phân tích BCKQHĐKD nói riêng. PP này xác định xu hướng, mức độ biến động của các chỉ tiêu phân tích, để từ đó đánh giá được mức độ biến động của chỉ tiêu đó là tốt hay xấu. Về nguyên tắc phải đảm bảo các điều kiện có thể so sánh được các chỉ tiêu tài chính như tính thống nhất về không gian, thời gian, nội dung hay tính chất và đơn vị tính...

- Kỳ phân tích được chọn là kỳ báo cáo hoặc kỳ nghiên cứu.

- Trong phương pháp so sánh thì có bốn kỹ thuật so sánh:

(1) *So sánh theo chiều dọc (So sánh kết cấu)*: Là quá trình so sánh nhằm xác định các tỷ lệ tương quan giữa các chỉ tiêu cùng kỳ.

(2) *So sánh theo chiều ngang (So sánh về mặt thời gian)*: Là quá trình so sánh nhằm xác định các tỷ lệ và chiều hướng biến động giữa các kỳ.

(3) *So sánh thực tế với kế hoạch*: Là so sánh giữa mức độ thực tế đạt được trong kì nghiên cứu với mức độ kế hoạch đề ra cùng kì của một chỉ tiêu nào đó.

(4) *So sánh với trung bình ngành hoặc doanh nghiệp khác*: Là so sánh trị số của từng chỉ tiêu với trung bình ngành (khu vực) hoặc doanh nghiệp khác nhằm khẳng định vị trí của các doanh nghiệp so với ngành hoặc doanh nghiệp khác về một số vấn đề nào đó.

b. Phương pháp phân tích tỷ lệ

Phương pháp này áp dụng phổ biến trong phân tích tài chính, dựa trên ý nghĩa chuẩn mực các tỷ lệ của đại lượng tài chính trong các quan hệ tài chính, giúp nhà phân tích khai thác có hiệu quả những số liệu, giúp phân tích một cách có hệ thống hàng loạt tỷ lệ theo chuỗi thời gian liên tục theo từng giai đoạn.

Qua đó nguồn thông tin kinh tế, tài chính sẽ được cải tiến và cung cấp đầy đủ hơn, cho phép tích lũy dữ liệu và thúc đẩy quá trình tính toán một số tỷ lệ như:

✚ Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu

Ý nghĩa: Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu cho biết cứ 100 đồng lợi nhuận thì mang lại bao nhiêu doanh thu.

✚ Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản

Ý nghĩa: Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản cho biết cứ 100 đồng tổng tài sản bình quân được sử dụng trong kỳ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận.

✚ Tỷ suất lợi nhuận trên nguồn vốn chủ sở hữu

Ý nghĩa: Cho biết cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu được sử dụng trong kỳ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận.

Phương pháp phân tích tỷ lệ nhằm tăng hiệu quả phân tích, có thể sử dụng kết hợp hay sử dụng một số phương pháp bổ trợ khác như: Phương pháp liên hệ, phương pháp loại trừ để nhằm tận dụng đầy đủ các ưu điểm nhằm thực hiện mục đích nghiên cứu một cách tốt nhất.

c. Phương pháp cân đối

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của DN hình thành nhiều mối quan hệ cân đối nhờ cân đối giữa:

- Nguồn thu với nguồn chi
- Tài sản với nguồn vốn kinh doanh
- Nguồn sử dụng vật tư với nguồn huy động
- Nhu cầu sử dụng với khả năng thanh toán

Phương pháp cân đối nhằm nghiên cứu các mối liên hệ cân đối về lượng giữa các yếu tố trong quá trình SXKD.

1.4.2.1. *Nội dung phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

a. Phân tích BCKQHĐKD theo chiều ngang

Phân tích BCKQHĐKD doanh theo chiều ngang là sự so sánh và đối chiếu về sự biến động về số tuyệt đối và số tương đối trên từng chỉ tiêu của từng Báo cáo tài chính (Bảng 1.2). Phân tích BCKQHĐKD theo chiều ngang sẽ làm nổi bật biến động của một khoản mục nào đó qua thời gian, việc phân tích như vậy sẽ làm nổi rõ đặc điểm về lượng cũng như tỷ lệ các khoản mục theo thời gian.

Việc đánh giá từ tổng quát đến chi tiết giúp liên kết các thông tin lại với nhau để đánh giá khả năng tiềm tàng và rủi ro và nhận ra những khoản mục nào đó có biến động cần tập trung phân tích xác định nguyên nhân.

Bảng 1.2 Phân tích BCKQHĐKD theo chiều ngang

CHỈ TIÊU	Năm trước	Năm nay	Chênh lệch +/-	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)				
4. Giá vốn hàng bán				
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)				
6. Doanh thu hoạt động tài chính				
7. Chi phí tài chính				
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>				
8. Chi phí quản lý kinh doanh				
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)				
10. Thu nhập khác				
11. Chi phí khác				
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)				
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)				
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)				

b. Phân tích kết cấu giá vốn hàng bán và chi phí quản lý kinh doanh...trong doanh thu

Là việc sử dụng các tỷ lệ hoặc hệ số để thể hiện được mối tương quan giữa các chỉ tiêu giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh...với doanh thu trong từng BCTC (Bảng 1.3) để rút ra kết luận.

Khi phân tích doanh thu, giá vốn hàng bán và chi phí quản lý kinh doanh ta sẽ sử dụng phương pháp so sánh số tương đối kết cấu (chỉ tiêu bộ phận / chỉ tiêu

tổng thể) phân tích theo chiều dọc giúp đưa về một điều kiện so sánh, dễ dàng thấy được kết cấu của từng chỉ tiêu bộ phận so với chỉ tiêu tổng thể tăng giảm như thế nào.

Việc so sánh thể hiện sự biến động của giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh, chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác với doanh thu nhằm đánh giá kết cấu, cơ cấu của từng loại chi phí trong doanh thu giữa các năm để từ đó đưa ra những giải pháp tiết kiệm chi phí để mang lại lợi nhuận cao cho Công ty.

Bảng 1.3 Phân tích kết cấu giá vốn hàng bán và chi phí quản lý kinh doanh trong doanh thu

STT	Chỉ tiêu	Năm nay		Năm trước	
		Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu				
2	Giá vốn hàng bán				
3	Lợi nhuận gộp				
4	Chi phí quản lý kinh doanh				
5	Chi phí tài chính				
6	Chi phí khác				
7	Lợi nhuận trước thuế				

c. Phân tích hình tình tài chính thông qua tỷ số phản ánh khả năng sinh lời

Tỷ số phản ánh khả năng sinh lời được thể hiện qua bảng phân tích tỷ suất sinh lời (Bảng 1.4) trong đó gồm:

1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu.

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Doanh thu}}$$

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu cho biết cứ 100 đồng lợi nhuận thì mang lại bao nhiêu doanh thu.

Tỷ số này mang giá trị dương nghĩa là công ty kinh doanh có lãi. Tỷ số này càng cao doanh nghiệp làm ăn càng có lãi. Tỷ số mang giá trị âm nghĩa là công ty kinh doanh thua lỗ.

Tuy nhiên, tỷ số này phụ thuộc vào đặc điểm kinh doanh của từng ngành. Vì thế, khi theo dõi tình hình sinh lợi của công ty, người ta thường so sánh tỷ số này của công ty với tỷ số bình quân của toàn ngành mà công ty đó tham gia.

2. *Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản –ROA:*

$$\frac{\text{Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản}}{\text{Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản}} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$$

* Trong đó:

$$\text{Tổng tài sản bình quân (BQ)} = \frac{\text{Tổng TS đầu năm} + \text{Tổng TS cuối năm}}{2}$$

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản cho biết cứ 100 đồng tổng tài sản thì mang lại bao nhiêu lợi nhuận. Chỉ tiêu này thể hiện tính hiệu quả của quá trình tổ chức, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tỷ số này dương chứng tỏ DN làm ăn có lãi. Tỷ số càng cao DN làm ăn càng hiệu quả.

Tỷ số này âm chứng tỏ DN làm ăn thua lỗ. Mức lãi hay lỗ được đo bằng phần trăm của giá trị bình quân tổng tài sản của doanh nghiệp. Tỷ số này cho biết hiệu quả quản lý và sử dụng tài sản để tạo ra thu nhập của doanh nghiệp.

Tỷ số này phụ thuộc vào ngành nghề kinh doanh. Vì vậy mà người phân tích tài chính DN chỉ sử dụng tỷ số này trong so sánh doanh nghiệp với bình quân toàn ngành hoặc với DN khác cùng ngành trong cùng một thời kì.

3. *Tỷ suất lợi nhuận trên nguồn vốn chủ sở hữu (CSH)-ROE:*

$$\frac{\text{Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu}}{\text{Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu}} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Vốn CSH bình quân}}$$

* Trong đó:

$$\text{Tổng VCSH bình quân} = \frac{\text{Tổng VCSH đầu năm} + \text{Tổng VCSH cuối năm}}{2}$$

Chỉ tiêu này kết hợp cả Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và bảng Cân đối kế toán để đánh giá khả năng sinh lời của công ty.

Tỷ số lợi nhuận trên nguồn vốn chủ sở hữu cho biết cứ 100 đồng vốn CSH được sử dụng trong kỳ thì sẽ tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận.

Tỷ số này dương chứng tỏ doanh nghiệp làm ăn có lãi, tỷ số này càng cao chứng tỏ doanh nghiệp làm ăn càng hiệu quả.

Tỷ số này âm chứng tỏ doanh nghiệp làm ăn thua lỗ.

Cũng như tỷ số lợi nhuận trên tài sản, tỷ số này phụ thuộc vào ngành nghề kinh doanh và vào quy mô và mức độ rủi ro của DN. Để so sánh một cách chính xác thì cần so sánh tỷ số này của một công ty với tỷ số bình quân của toàn ngành hay với tỷ số của công ty tương đương trong cùng ngành.

Tỷ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu hay được đem so sánh với tỷ số lợi nhuận trên tài sản .

Tỷ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu > ROA: đòn bẩy tài chính của DN đã có tác dụng tích cực được hiểu là DN đã thành công trong việc huy động vốn của cổ đông để kiếm lợi nhuận với tỷ suất cao hơn tỷ lệ tiền lãi mà DN phải trả cho các cổ đông.

Qua các chỉ tiêu trên ta có bảng phân tích tỷ suất sinh lời (Bảng 1.4) như sau:

Bảng 1.4 Phân tích tỷ suất sinh lời

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước	Chênh lệch +/-
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%			
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng TS	%			
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH	%			

CHƯƠNG 2

THỰC TẾ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM KHẨU VỊ GIA ĐÌNH

2.1. Giới thiệu khái quát về Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình

2.1.1.1. Khái quát về lịch sử hình thành và phát triển của Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình

Xuất phát từ nhu cầu của người tiêu dùng trong ngành phân phối thực phẩm ngày càng cao, ông Tạ Văn Thắng (Giám đốc Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình) đã dựa trên những khảo sát và tìm hiểu thực tế các mặt hàng thực phẩm có mặt trên thị trường. Đó là những mặt hàng được người tiêu dùng ưa chuộng và đón nhận, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và đó là tiền đề để thành lập nên Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình mà các hoạt động chủ yếu là phân phối các loại mặt hàng bánh kẹo, sữa của các nhãn hàng có tên tuổi và địa vị trong nền kinh tế Việt Nam như Kinh Đô, Nutifood, Kao, Diana..v..v..

Năm 2010, sau một thời gian tìm hiểu và huy động được nguồn vốn ông Tạ Văn Thắng đã thành lập Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.

Khi mới thành lập công ty có số vốn không nhiều, cơ sở vật chất còn thiếu thốn, số lượng lao động chỉ có 4 người.

Từ đó Công ty đã không ngừng sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, tăng việc làm ăn với các nhãn hàng uy tín trên thị trường, đổi mới phương thức quản lý, giúp Công ty phát triển mạnh hơn, đời sống cán bộ nhân viên ngày càng được nâng cao.

Qua 6 năm thành lập Công ty đã và đang không ngừng lớn mạnh, tăng trưởng về mọi mặt. Tính đến thời điểm này Công ty đã nhận cung cấp bánh kẹo cho rất nhiều đại lý, các công ty, xí nghiệp cũng như các hộ gia đình trên địa bàn Hải Phòng và một vài tỉnh lân cận khác như Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên....

- Tên Công ty: Công ty TNHH Thực Phẩm Khẩu Vị Gia Đình
- Tên Công ty viết bằng tiếng anh: Home Taste Food Limited Company

- Tên Công ty viết tắt: HT Food
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 18/C8 đường vòng Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.
- Địa điểm kinh doanh: Số 125/109 Trường Chinh, Phường Lãm Hà, Quận Kiến An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
- Điện thoại: 0313.576.586
- Vốn điều lệ: 998.000.000 VNĐ
(Bằng chữ: Chín trăm chín mươi tám triệu Việt Nam đồng.)

2.1.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình

Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình kinh doanh các ngành nghề chính sau:

STT	Tên Ngành	Mã ngành
1	Bán buôn thực phẩm (Chính)	4632
2	Bán buôn chè	46325
3	Sản xuất các loại bánh từ bột	10710
4	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
5	Bán buôn đồ uống (Chi tiết: Bán buôn rượu bia)	4633
6	Khách sạn	55101
7	Nhà hàng. Quán ăn, hàng ăn uống (không bao gồm quầy bar)	56101
8	Bán buôn café	46324
9	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
10	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	10790
11	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Không bao gồm động vật hoang dã và đv quý hiếm)	4620
12	Bán buôn thực phẩm khác Chi tiết: Bán buôn gia vị các loại dầu thực vật, cacao	46329
13	Vận tải hành khách bằng taxi	49312
14	Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh liên tỉnh	49321

15	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
16	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
17	Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Vận tải hành khách bằng tuyến ô tô cố định theo hợp đồng.	49329
18	Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai.	11041
19	Sản xuất dầu, mỡ động vật, thực vật.	1040
20	Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột và tinh bột Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo, mỳ ăn liền.	46326

2.1.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình

a. Thuận lợi:

Khi bước vào hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực phân phối thực phẩm, Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình đã có những thuận lợi như sau:

Địa điểm giao dịch và phân phối của Công ty đặt tại đường Lâm Hà-chân cầu Niệm-Quận Kiến An-Hải Phòng. Đây là nút thắt giữa trung tâm thành phố và quận Kiến An, điều này đã tạo ra những lợi thế trong việc giao dịch và trao đổi về thông tin kinh tế. Công ty có tư thế chủ động trong việc lựa chọn các hình thức kinh doanh để đáp ứng nhu cầu thị trường một cách tốt hơn.

Công ty có một giám đốc-là người có năng lực điều hành và quản lý tốt, có phương pháp cũng như đường lối chiến lược phát triển một cách hiệu quả. Bên cạnh đó là một đội ngũ cán bộ công nhân viên tuy ít nhưng lại có trình độ chuyên môn cao và không ngừng học hỏi để nâng cao tay nghề.

Có thể thấy rằng nền kinh tế Việt Nam đang trên đà đã và đang phát triển cùng hội nhập, chính vì thế mà nhu cầu của con người ngày càng cao. Trước đây nhân dân ta có câu 'Ăn no, mặc ấm' thì ngày nay nhu cầu ấy đã có sự thay đổi 'Ăn ngon, mặc đẹp', song ăn ngon chưa hẳn đã đủ mà ăn ngon còn phải đảm bảo một nguồn dinh dưỡng dồi dào, đạt tiêu chuẩn và an toàn vệ sinh.

Do vậy có thể thấy đây là lợi thế cho Công ty trong việc kinh doanh và phát triển vì bản thân Công ty cũng đã tạo cho mình những thuận lợi nhất định như: Công ty đã có những khách hàng, đối tác quen thuộc như Kinh Đô, Diana, Nutifood, Kao... hơn nữa Công ty luôn giữ vững uy tín trên thị trường, đảm bảo chất lượng của các sản phẩm cung cấp luôn đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm.

b. Khó khăn:

Công ty bắt đầu đã phải trải qua những khó khăn và sự cạnh tranh gay gắt của những doanh nghiệp vừa và nhỏ trong ngành phân phối thực phẩm trên địa bàn Hải Phòng, sự biến động liên tục của giá cả trong nước và câu hỏi làm sao để sản phẩm ra bên ngoài thị trường đạt được chất lượng dịch vụ tốt nhất và tạo niềm tin cho khách hàng một cách tuyệt đối vào Công ty luôn là một bài toán khó. Hơn nữa đội ngũ nhân viên không nhiều nên khối lượng làm việc của từng cá nhân cũng khá là cao, áp lực hơn yêu cầu sự tập trung và phải dành thời gian hơn cho công việc.

c. Những thành tích đã đạt được:

Công ty là nhà cung cấp, bạn hàng tin cậy, quen thuộc của hàng loạt các công ty, cửa hàng, hộ gia đình như Bệnh viện Việt Tiệp, Nutifood, Kinh Đô, Bệnh viện Đông Khê, Công ty TNHH Thụy Anh...v...v...

Công ty đã kí kết được nhiều hợp đồng, tiêu thụ các mặt hàng với số lượng lớn.

Công ty trở thành đối thủ cạnh tranh với nhiều công ty hoạt động lâu năm và có thương hiệu trên Hải Phòng cũng như các tỉnh lân cận.

Sau đây là bảng phân tích một số chỉ tiêu tài chính trong 3 năm 2013, 2014, 2015 của Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình (Bảng 2.1) được thể hiện như sau:

Bảng 2.1 Một số chỉ tiêu tài chính trong ba năm 2013, 2014 và 2015 của Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình

Chỉ tiêu	2013	2014	2015
Tổng Doanh thu	49.545.602.300	51.192.727.512	57.653.474.164
Tổng Lợi nhuận	55.541.072	57.915.612	69.356.894
Nộp ngân sách Nhà Nước	699.541.293	708.396.246	885.495.307
Thu nhập bình quân người/tháng	3.978.838	4.071.369	4.626.556

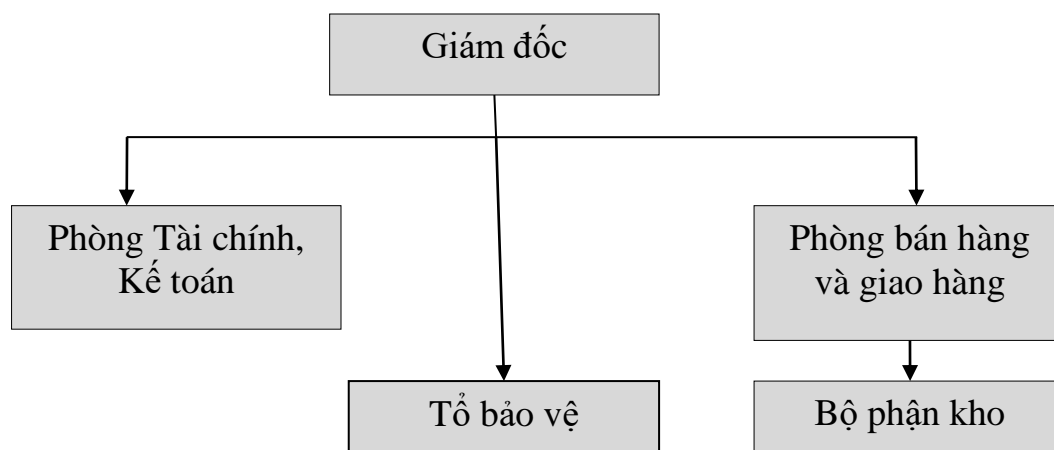
➤ Nhận xét:

Qua bảng 2.1 trên ta nhận thấy rằng Tổng doanh thu năm 2015 so với năm 2014 tăng 6.460.746.652 đồng. Tổng doanh thu năm 2014 so với năm 2013 tăng 1.647.125.212 đồng chứng tỏ doanh nghiệp đã làm ăn đạt hiệu quả.

Tổng lợi nhuận của 3 năm từ năm 2013 đến năm 2015 đều tăng. Cụ thể là năm 2015 so với năm 2014 tăng 11.441.282 đồng, năm 2014 so với năm 2013 tăng 2.374.540 đồng. Điều này rất đáng được khen ngợi. Về đóng góp ngân sách nhà nước năm 2013 Công ty đã đóng góp cho ngân sách nhà nước là 699.541.293 đồng. Năm 2014 đóng góp cho ngân sách nhà nước là 708.396.246 đồng. Năm 2015 đóng góp cho ngân sách nhà nước là 885.495.307 đồng.

Năm 2014 và năm 2013 do địa bàn hoạt động của Công ty vẫn còn hẹp chưa có nhiều khách hàng đa số là khách lẻ, khách đại lí ở khu vực Hải Phòng nên doanh thu không có sự thay đổi đáng kể. Đến năm 2015, Công ty ký được nhiều hợp đồng và lan rộng địa bàn hoạt động sang các tỉnh lân cận khác như Thái Bình, Hải Dương, Quảng Ninh, Nam Định...v...v... đã đem lại cho Công ty nhiều hợp đồng kinh tế giúp cho doanh thu năm 2015 tăng so với năm 2014 và năm 2013. Chính điều này mà năm 2015 đã đem lại cho cán bộ công nhân viên của Công ty có nguồn thu nhập cao hơn hai năm trước, thu nhập bình quân 1 tháng của cán bộ công nhân viên trong 3 năm đều xấp xỉ lớn hơn 3 triệu chứng tỏ Công ty rất chú trọng đến cán bộ công nhân viên và chất lượng công việc mà họ đem lại, Công ty đang hàng ngày cố gắng để cải thiện đời sống nhân viên hơn về vật chất cũng như tinh thần. Công ty cần tiếp tục phát huy.

2.1.2. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình



Sơ đồ 2.1 Sơ đồ về bộ máy tổ chức quản lý của công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.

➤ Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận :

- *Giám đốc*: Có trách nhiệm chỉ huy và chịu trách nhiệm lãnh đạo tổng thể Công ty.

- *Phòng tài chính kế toán*: Bao gồm một kế toán trưởng có trách nhiệm tổng hợp mọi số liệu, quyết toán mọi khoản thu chi, hạch toán, thống kê các hoạt động kinh doanh theo quy định của nhà nước. Tham mưu cho giám đốc thực hiện nghiêm túc về các quy định kế toán tài chính hiện hành. Cung cấp cho giám đốc tình hình tài chính, hiệu quả sử dụng vốn giúp giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành công tác tài chính và kế toán, quản lý công tác đầu tư, tiền lương, thưởng, các khoản thu nhập hoặc chi trả theo chế độ, chính sách đối với người lao động.

Ngoài kế toán trưởng còn bao gồm kế toán của 4 nhãn hàng là kế toán của nhãn hàng Kinh Đô, Nutifood, Kao và Diana. Bốn kế toán của từng nhãn hàng có công việc là xử lý thông tin về nhập xuất tồn của từng nhãn hàng rồi kiểm kê và thông báo lại cho kế toán trưởng. Riêng kế toán ngành hàng Kao còn có thêm công việc đó là Thủ quỹ cho Công ty.

- *Phòng bán hàng và giao hàng*: Có nhiệm vụ tiến hành tổ chức hoạt động Marketing để duy trì và mở rộng thị trường, đa dạng các hình thức dịch vụ, trào hàng tại các đại lí lớn và nhỏ, các nhà hàng khách sạn, các hộ gia đình nhỏ lẻ các sản phẩm dịch vụ các nhãn hàng của công ty. Sau đó các điều phối viên của từng nhãn hàng sẽ thu nhập đơn hàng và giao hàng trực tiếp đến khách hàng cũng như đảm bảo quyền lợi và liên hệ với các khách hàng.

- *Bộ phận kho*: Gồm các nhân viên vận chuyển có trách nhiệm nhận và giao hàng dựa trên các đơn hàng do các điều phối viên cung cấp. Tổ chức, quản lý hàng hoá lưu kho, ghi chép, theo dõi việc nhập và xuất hàng hoá tại kho.

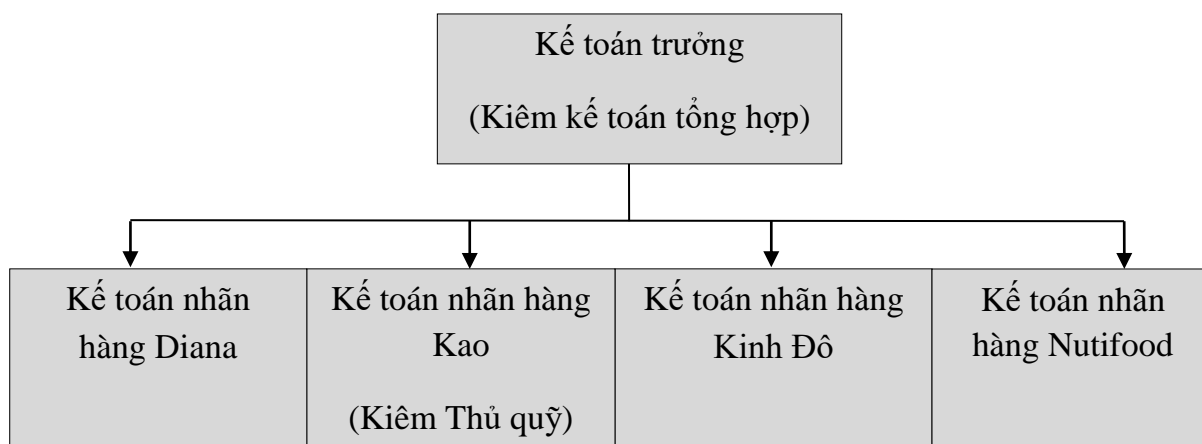
- *Tổ bảo vệ*: Có trách nhiệm trông coi nhà xưởng, nhà xe của Công ty, đảm bảo an ninh trật tự khu vực của Công ty và an toàn cho cán bộ công nhân viên đang làm việc tại Công ty.

2.1.3. Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình

2.1.3.1. Đặc điểm bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình

Để phù hợp với quy mô bộ máy quản lý của Công ty, Công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chỉ đạo

và kiểm tra các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Cùng với đó là sự lãnh đạo, sự tập trung của kế toán trưởng với sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo đối với các hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng (Sơ đồ 2.2).



Sơ đồ 2.2 Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty TNHH thực phẩm khẩu vị Gia Đình

- *Kế toán trưởng (Kiêm kế toán tổng hợp):*

Thực hiện các phần hành kế toán và kiểm tra toàn bộ các hoạt động tài chính của Công ty. Không những thế kế toán trưởng còn tham mưu cho giám đốc để đưa ra các quyết định hợp lý và chính xác nhất. Cuối kì kế toán, Kế toán trưởng tập hợp số liệu từ các bộ phận phòng ban từ đó lập báo cáo tài chính, xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

- *Kế toán nhân hàng (Kế toán ngành hàng Diana/Nutifood/Kinh Đô):*

Là kế toán của từng nhân hàng được yêu cầu thực hiện theo ngành hàng được giao cho có nhiệm vụ theo dõi ghi chép việc nhập xuất hàng hoá của ngành hàng do mỗi kế toán viên phụ trách từng nhân hàng đảm nhận. Các kế toán viên kiểm tra chứng từ đầu vào, đầu ra và tổng hợp số liệu, hoá đơn, chứng từ của nhân hàng mình phụ trách rồi thông báo, thống kê báo lại cho kế toán trưởng.

- *Kế toán nhân hàng Kao (Kiêm Thủ quỹ):*

Có công việc và nhiệm vụ như các kế toán ngành hàng ở trên nhưng ngoài ra còn có nhiệm vụ theo dõi các khoản thu chi bằng tiền của doanh nghiệp, khoá sổ tiền mặt mỗi ngày để có số liệu đối chiếu sổ sách, quản lý và nhập, xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty, kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt.

2.1.3.2. Hình thức ghi sổ kế toán và các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty

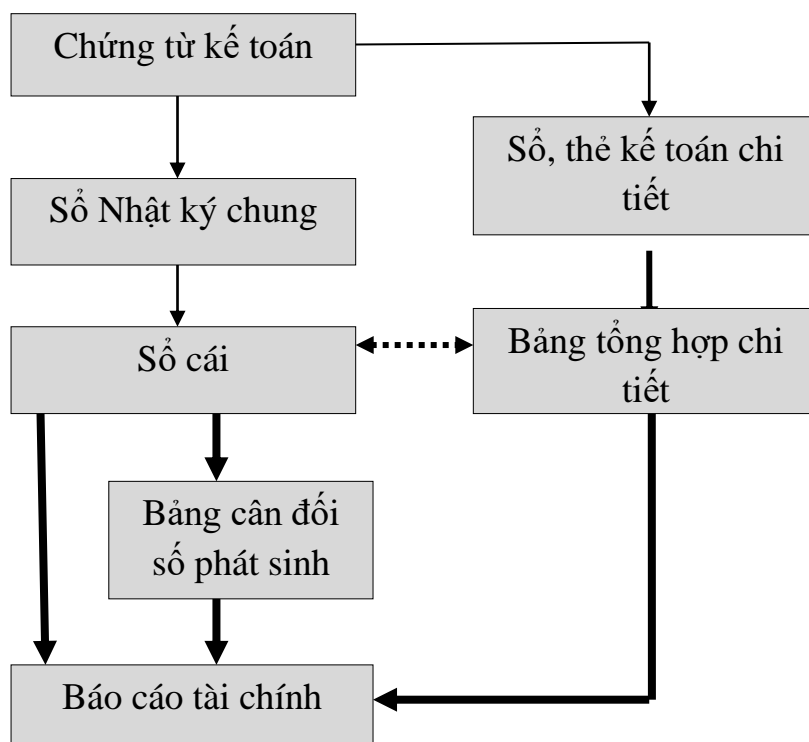
a. Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty

Để phù hợp với trình độ nhân viên kế toán của Công ty, Công ty đã áp dụng hình thức ghi sổ kế toán là hình thức 'Nhật ký chung' (NKC)-(Sơ đồ 2.3).

Đối với hình thức ghi sổ kế toán là hình thức Nhật ký chung thì tất cả các nghiệp vụ kinh tế và tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung được trình bày theo trình tự thời gian phát sinh, theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó.

Sau đó kế toán sẽ lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Về nguyên tắc thì tổng số phát sinh bên Nợ và bên Có trên bảng Cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng, hoặc định kì —————→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←-----→

Sơ đồ 2.3 Sơ đồ hình thức kế toán tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình

b. Chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty

- Hệ thống chứng từ sổ sách kế toán công ty thuộc chính sách kế toán áp dụng chế độ kế toán theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ của Bộ trưởng Bộ Tài chính
- Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ 01/01 đến 31/12.
- Đơn vị tiền tệ mà công ty sử dụng trong ghi chép kế toán, báo cáo quyết toán là đồng nội tệ – Đồng Việt Nam (VNĐ).
- Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: Phương pháp nhập trước xuất trước.
- Phương pháp tính Khấu hao tài sản cố định: Dùng phương pháp khấu hao đều được ước tính theo Thông tư 203/2009/TT-BTC(20/10/2009) của Bộ Tài chính
- Phương pháp tính thuế GTGT: Áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ theo thông tư 06/2012TT-BTC ngày 11/01/2012 và thông tư 65/2013TT-BTC(17/05/2013) về việc sửa đổi, bổ sung thông tư.

2.2. Thực tế công tác lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình

2.2.1. Nguồn số liệu để lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình

- Căn cứ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm trước (năm 2014)
- Căn cứ vào số liệu sổ sách kế toán như sổ cái, bảng tổng hợp hay sổ chi tiết trong năm dùng cho các tài khoản từ loại 5 đến 9 như: TK 511, 632, 642, 711, 811, 821, 911,

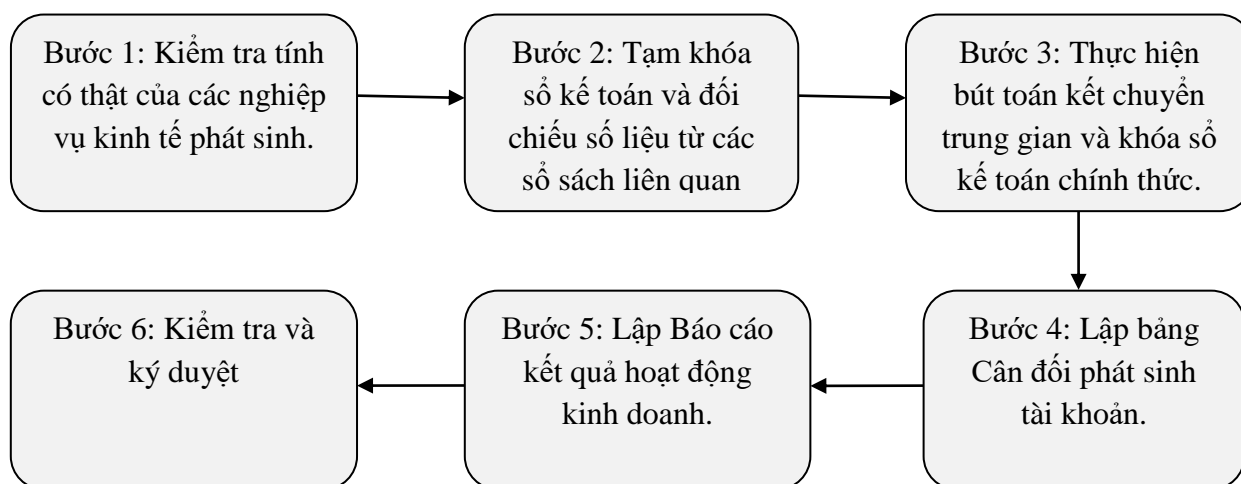
2.2.2. Trình tự lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình

2.2.2.1. Quy trình lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty

Quy trình lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình gồm có 6 bước (Sơ đồ 2.4) .

2.2.2.2. Nội dung lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty

- ❖ **Bước 1: Xác định và kiểm tra về tính có thật của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.**



Sơ đồ 2.4 Trình tự lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình

Tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình kế toán thường xuyên xác định và tiến hành kiểm tra tính có thật của số liệu trong chứng từ gốc và Sổ nhật ký chung (NKC) khi phát sinh các nghiệp vụ kế toán. Việc kiểm tra các nghiệp vụ phát sinh được thực hiện theo các trình tự như sau:

Việc đầu tiên, kế toán sắp xếp chứng từ theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế của từng nghiệp vụ phát sinh, sắp xếp chứng từ theo số hiệu tăng dần.

Sau khi sắp xếp xong kế toán tiếp tục tiến hành kiểm tra và đối chiếu các chứng từ của nghiệp vụ kinh tế phát sinh cùng với nội dung đã được phản ánh trên sổ Nhật ký chung: Ngày tháng năm, số hiệu chứng từ, nội dung kinh tế, quan hệ đối ứng của từng tài khoản và số tiền.

Tiếp theo, kế toán tiếp tục kiểm tra, đối chiếu về số liệu trong từng chứng từ và số liệu nghiệp vụ phát sinh trong sổ kế toán có phù hợp với nhau không.

Bước cuối cùng, trong trường hợp có sai sót kế toán lập tức sẽ tiến hành xử lý và điều chỉnh kịp thời theo đúng quy định và theo đúng chuẩn mực kế toán.

Ví dụ 1: Kế toán kiểm tra tính có thật của nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày 4/7/2015: Công ty bán hàng cho Đại lý Minh Hương số 8 Trần Nguyễn Hãn đã thanh toán ngay bằng tiền mặt. Hóa đơn Giá trị gia tăng (HĐ GTGT) số 0011719 với tổng giá thanh toán là 9.174.055 (đã bao gồm giá thuế GTGT 10%).

Kế toán tiến hành sắp xếp các chứng từ có trong nghiệp vụ ngày 04/07/2015 để đối chiếu và kiểm tra tính có thật và tính đầy đủ của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Để thực hiện những điều đó kế toán cần:

- Hóa đơn GTGT số 0011719 (Biểu số 2.1)

- Phiếu thu số 180 (Biểu số 2.2)
- Sổ Nhật ký chung năm 2015 (Biểu số 2.3)
- Sổ cái TK 111 năm 2015 (Biểu số 2.4)
- Sổ cái TK 511 năm 2015 (Biểu số 2.5)

Từ Hóa đơn GTGT số 0011719 kế toán dựa vào hóa đơn và ghi số tiền cần thu vào Phiếu thu 180, sau đó kế toán tiến hành ghi chép nghiệp vụ ngày 4/7/2015 vào sổ Nhật ký chung.

Từ số liệu đã ghi vào sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi các số liệu vào sổ cái các TK liên quan (TK 511, 111, 333).

Kế toán thường xuyên kiểm tra và đối chiếu một cách thật chi tiết giữa thông tin cũng như các số liệu tài khoản liên quan trong các nghiệp vụ kinh tế phát sinh từ đó nhằm phát hiện được những sai sót và chỉnh sửa cũng như điều chỉnh kịp thời.

Biểu số 2.1 Hóa đơn GTGT số 0011719 ngày 04/07/2015

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: Nội bộ Ngày 04 tháng 07 năm 2015		Mẫu số: 01 GTKT3/ 001 Ký hiệu: AA/14P Số : 0011719			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình Địa chỉ: Số 18/C8 đường vòng Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng Mã số thuế: 0201060256 Tel: 0313.576.586 Số tài khoản: Tại Ngân hàng Vietinbank – CN Ngô Quyền					
Họ tên người mua hàng: Bùi Minh Hương Tên đơn vị: Đại lý Minh Hương Địa chỉ: Số 8-Trần Nguyên Hãn- TP Hải Phòng Hình thức thanh toán: Tiền mặt					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	AFC DD lúa mì 100grx 36 hộp	Thùng	10	318.551	3.185.510
2	Cosy bánh quy kem Vani sữa 120gr	Thùng	10	171.818	1.718.180
3	Cosy bánh quy kem chocolate	Thùng	20	171.818	3.436.360
Cộng tiền hàng					8.340.050
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT		834.005
Tổng cộng tiền thanh toán					9.174.055
Số tiền viết bằng chữ: <i>Chín triệu một trăm bảy mươi tư nghìn không trăm năm mươi lăm đồng chẵn.</i>					
Người mua hàng (<i>Ký, ghi rõ họ tên</i>)		Người bán hàng (<i>Ký, ghi rõ họ tên</i>)		Thủ trưởng đơn vị (<i>Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên</i>)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)</i>					
In tại Công ty TNHH Giấy vi tính Liên Sơn MST: 0301452823 ĐT (08) 39100555					

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính Kế toán Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình)

Biểu số 2.2 Phiếu thu

Công ty TNHH thực phẩm khẩu vị Gia Đình
Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số 01 – TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 04/07/2015

Quyển số: ...04....

Số CT : 180

TK ghi nợ 111

TK ghi có 511

TK ghi có 3331

Người nộp tiền: Bùi Minh Hương

Địa chỉ: Đại lý Minh Hương- số 8 Trần Nguyên Hãn

Lý do: Nộp tiền hàng HĐ GTGT số 0011719

Số tiền: 9.174.055

Bằng chữ: Chín triệu một trăm bảy mươi tư nghìn không trăm năm mươi lăm đồng chẵn.

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) : Chín triệu một trăm bảy mươi tư nghìn không trăm năm mươi lăm đồng chẵn

Giám đốc

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Người nộp

(ký, họ tên)

Người lập

(ký, họ tên)

Thủ quỹ

(ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính Kế toán Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình)

Biểu số 2.3 Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Cty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình
Địa chỉ: 18/C8 đường vòng Vạn Mỹ, Ngô Quyền, HP

Mẫu số S03a – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		DIỄN GIẢI	SHTK	PHÁT SINH	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang			
01/01	BHK 1820	01/01	Công ty xuất kho hàng Kinh Đô bán hàng cho khách lẻ	632 156	9.894.530	9.894.530
					
04/07	BHK 1927	04/07	Giá vốn bán cho Minh Hương	632 156	7.923.040	7.923.040
04/07	PT 180 HĐ0011719	04/07	Thu tiền hàng đại lý Minh Hương	111 511 3331	9.174.055	8.340.050 834.005
					
19/10	HĐ001329	19/10	Cty GFT mua hàng chưa thanh toán	131 511 3331	50.358.090	45.780.082 4.578.008
					
23/11	GBN06T11	23/11	Tf A/c: 102010001643754 chuyển tiền hàng	331 112	120.000.000	120.000.000
					
25/12	PC322	25/12	Mua máy tính cho phòng bán hàng	642 133 111	15.000.000 1.500.000	16.500.000
			Cộng chuyển trang sau			
		
			Tổng cộng		481.406.624.899	481.406.624.899

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính Kế toán Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình)

Biểu số 2.4 Sổ cái TK 111

Công ty TNHH thực phẩm khẩu vị Gia Đình
 Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 111 - Tiền mặt

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		Diễn giải	TK ĐƯ	SDCK	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
					
			Số dư đầu năm		272.774.167	
					
20/01	PC025	20/01	Mua giấy A4 cho phòng kế toán	642 133		350.000 35.000
					
04/07	PT180	04/07	Bán hàng cho Minh Hương thu bằng tiền mặt	511 3331	8.340.050 834.005	
					
07/10	PC210	07/10	Đổ dầu xe 1,4 tấn	642 133		700.000 35.000

25/12	PC322	25/12	Mua máy tính cho phòng bán hàng	642 133		15.000.000 1.500.000
					
			Cộng số phát sinh		67.779.100.286	67.869.703.123
			Số dư cuối năm		182.171.330	
					

Ngày 31 tháng 12/2015

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu từ Phòng tài chính-kế toán tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình)

Biểu số 2.5 Sổ cái TK 511

Cty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình
18/C8 đường vòng Vạn Mỹ, Ngô Quyền, HP

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành QĐ số 48/2006/QĐ-BTC)
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	PHÁT SINH	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			SDDK			
01/01	HĐ0010992	01/01	Doanh thu bán bánh Bông lan cho công ty Thủy Sơn	131		1.632.000

15/01	HĐ0011040	15/01	Doanh thu bán bánh mỳ xúc xích cho viện tâm thần HP	111		1.008.000

02/07	HĐ0011712	02/07	Doanh thu bán cho công ty thương mại Bảo Châu	131		153.080.250

04/07	HĐ0011719	04/07	Doanh thu bán cho Đại lý Minh Hương	111		8.340.050
		
20/10	HĐ0012199	20/10	Doanh thu bán cho đại lý Kopiko HD	112		1.272.002
		
18/12	HĐ0012452	18/12	Bán cho đại lý bánh kẹo Tiên Dung	111		4.380.244
					
			Cộng số phát sinh		57.653.474.164	57.653.474.164
			SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính Kế toán công ty TNHH Thực Phẩm khẩu vị Gia Đình)

❖ **Bước 2: Tạm khóa sổ kế toán và đối chiếu số liệu từ các sổ sách kế toán liên quan.**

Khi đã kiểm tra tính có thật của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ là có thực được phản ánh đầy đủ và chính xác, kế toán tiếp tục thực hiện khóa sổ tạm thời nhằm xác định số phát sinh, số dư trên sổ cái TK và đối chiếu số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết với các sổ cái TK như: Sổ cái TK 131 với bảng tổng hợp chi tiết thanh toán người mua; sổ cái TK 156 với bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa.

Kế toán tổng hợp, kiểm tra và phát hiện sai sót kịp thời để điều chỉnh sai sót sao cho phù hợp với số liệu thực tế.

Ví dụ 2: Kế toán cộng phát sinh các TK từ loại 5 đến 8 trước khi thực hiện bút toán kết chuyển.

- Sổ cái TK 632 (Biểu số 2.6)
- Sổ cái TK 642 (Biểu số 2.7)

Biểu số 2.6 Số cái TK 632

Cty TNHH khẩu vị thực phẩm Gia Đình
 Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỐ CÁI

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	PHÁT SINH	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			SDDK			
01/01	BHK1210	01/01	Xuất kho hàng bán BL cho công ty Thủy Sơn	156	1.542.240	
					
15/01	BHK1266	15/01	Xuất kho bán BMT nhân socola cho Bao bì HV	156	1.190.700	
		
09/04	BHK1626	09/04	Xuất kho tã giấy BB fresh cho đại lý Minh Hương	156	427.000	
		
07/07	BHK1922	07/07	Xuất kho hàng Cracker Fishi bán cho khách lẻ	156	146.664	
		
27/09	BHK1980	27/09	Xuất kho hàng Cosy bán cho khách lẻ	156	832.605	
					
15/10	BHK2291	15/10	Xuất bán cho Đại Lý Hương Trang	156	439.992	
					
			Cộng số phát sinh		57.067.359.587	
			SDCK			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình)

Biểu số 2.7 Sổ cái TK 642

Cty TNHH thực phẩm khẩu vị Gia Đình
Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 642: Chi phí quản lý kinh doanh

Ngày tháng ghi số	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	PHÁT SINH	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
		
15/01	BTTLT1	15/01	Tính tiền lương cho nhân viên vp T1	334	30.856.000	
15/01	BTTLT1	15/01	Bảng trích theo lương T1	338	6.193.095	
		
25/05	PC120	25/05	Mua giấy A3	111	300.000	
		
01/07	PC178	01/07	Đổ dầu xe 1,4 tấn	111	700.000	
					
15/12	BTTLT12	15/12	Tính tiền lương cho nhân viên vp T12	334	30.856.000	
15/12	BTTLT12	15/12	Bảng trích theo lương T12	338	6.193.095	
		
22/12	PC320	22/12	Mua đồ văn phòng phẩm tt bằng TM	111	350.000	
					
			Cộng số phát sinh		1.619.805.077	
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Kế toán ghi sổ
(Ký, họ tên)

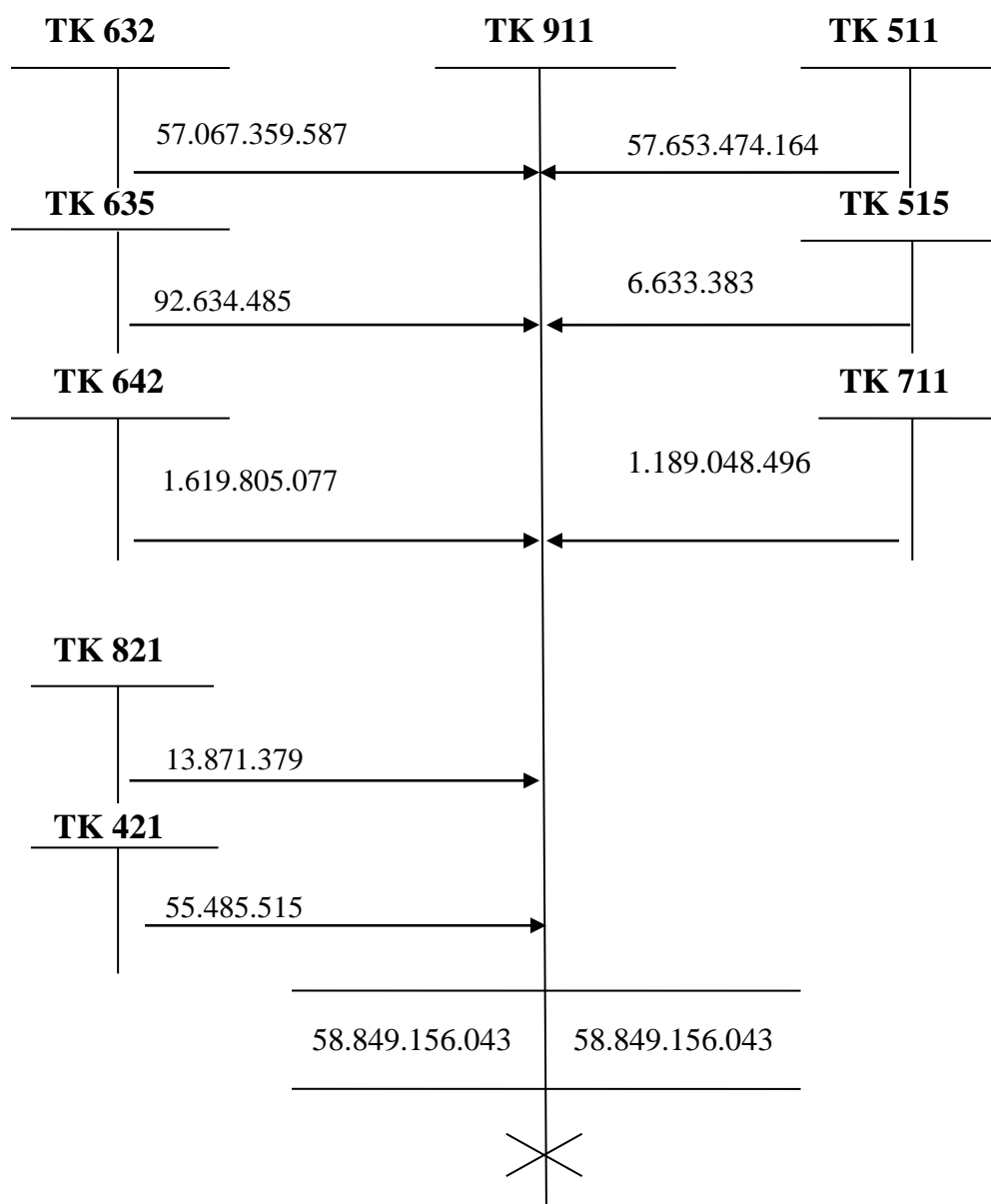
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình)

❖ Bước 3: Thực hiện bút toán kết chuyển trung gian và khóa sổ kế toán chính thức

Sau khi tạm khóa sổ kế toán và đối chiếu với số liệu sổ sách, Công ty tiến hành thực hiện các bút toán kết chuyển trung gian và xác định kết quả kinh doanh. Các tài khoản phản ánh chi phí được kết chuyển vào bên Nợ TK 911, các tài khoản doanh thu, thu nhập khác được kết chuyển vào bên Có TK 911 (Sơ đồ 2.5).



Sơ đồ 2.5 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình năm 2015

❖ **Bước 4: Lập bảng Cân đối số phát sinh tài khoản**

Tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình việc lập bảng Cân đối phát sinh tài khoản căn cứ vào số liệu sau khi khóa sổ kế toán được lập đúng nội dung và phương pháp cũng như cách trình bày nhất quán giữa kỳ các kế toán.

Về nguyên tắc:

- Tổng số dư bên Nợ của tất cả các tài khoản tổng hợp phải bằng tổng số dư bên Có của tất cả các tài khoản tổng hợp.
- Tổng số phát sinh bên Nợ của tất cả các tài khoản tổng hợp phải bằng tổng số phát sinh bên Có của tất cả các tài khoản.

Mục đích của bảng Cân đối phát sinh tài khoản là kiểm tra các bút toán ghi trong hệ thống sổ sách đã được phản ánh đầy đủ vào sổ cái các TK hay chưa.

* Chi tiết cách lập các chỉ tiêu trong bảng Cân đối số phát sinh TK như sau:

- *Cột A (Số hiệu Tài khoản)*: Cột này ghi số hiệu của từng tài khoản cấp 1 doanh nghiệp sử dụng trong năm báo cáo.
- *Cột B (Tên Tài khoản)*: Dùng để ghi tên TK của tất cả các TK tổng hợp từ loại 1 đến 9. Mỗi TK ghi một dòng, ghi từ TK có số hiệu nhỏ đến số hiệu lớn không phân biệt đến TK có số dư cuối kỳ hay không hoặc trong kỳ có số phát sinh hay không.
- *Cột 1,2 (Số dư đầu năm)*: Dùng để phản ánh số dư Nợ đầu năm và số dư Có đầu năm theo từng tài khoản được lấy số liệu từ sổ dư đầu kỳ trên sổ cái hoặc nhật ký-sổ cái.
- *Cột 3,4 (Số phát sinh trong kỳ)*: Dùng để phản ánh số phát sinh bên Nợ, số phát sinh bên Có của từng TK trong năm báo cáo.

Số liệu để ghi vào cột 3, cột 4 được căn cứ vào tổng phát sinh bên Nợ và tổng phát sinh bên Có của từng tài khoản trên sổ cái hoặc nhật ký-sổ cái trong năm báo cáo.

- *Cột 5,6 (Số dư cuối kỳ)*: Dùng để phản ánh số dư Nợ đầu năm và số dư Có cuối năm theo từng tài khoản. Số liệu ghi vào cột 5,6 căn cứ vào dòng số dư cuối kỳ trên sổ cái hoặc nhật ký-sổ cái.

Ví dụ 3: Cách lập chỉ tiêu Tiền mặt-Số hiệu TK111 trên bảng Cân đối phát sinh tài khoản năm 2015 của Công Ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.

Căn cứ vào sổ cái TK 111 (Biểu số 2.5), kế toán lập chỉ tiêu 'Tiền mặt' trên bảng Cân đối số phát sinh tài khoản như sau:

- Cột A 'Số hiệu tài khoản' là 111

- Cột B ‘Tên tài khoản’ là Tiền mặt.
- Cột 1 ‘Số dư đầu năm’: Số liệu để ghi vào Số dư đầu năm của TK 111 là số dư đầu năm trên sổ cái TK 111 số tiền là 272.774.167 đồng.
- Cột 2 ‘Số phát sinh trong năm bên Nợ’: Số liệu để ghi vào cột Nợ căn cứ vào dòng ‘Cộng phát sinh’ bên Nợ của TK 111 với số tiền là : 67.779.100.286 đồng.
- Cột 3 ‘Số phát sinh trong năm bên Có’: Số liệu để ghi vào cột Có được căn cứ vào dòng ‘Cộng phát sinh’ bên Có trên sổ cái của TK 111 với số tiền là 67.869.703.123.
- Cột 4 ‘Số dư cuối năm bên Nợ’ : Số liệu để ghi vào cột ‘Số dư cuối năm’ của TK 111 là căn cứ vào dòng ‘Số dư cuối năm’ cột Nợ trên sổ cái TK 111 với số tiền là 182.171.330.

Đối với các chỉ tiêu khác trên bảng Cân đối số phát sinh tài khoản được lập tương tự như trên.

Dưới đây là bảng Cân đối số phát sinh tài khoản của Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình (Biểu số 2.8).

❖ Bước 5: Lập bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015

Sau khi lập bảng Cân đối số phát sinh tài khoản kế toán lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh căn cứ vào số liệu ghi trên sổ cái TK từ loại 5 đến 9.

*** Cột năm trước:**

Số liệu được lấy từ cột số năm nay của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình năm 2014.

*** Cột năm nay:**

Số liệu được lấy căn cứ từ sổ cái của Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình để lập các mã trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015.

✓ Mã số 01: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Có TK 511 "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" trong kỳ báo cáo trên sổ cái, nhật ký-sổ cái TK 511.

Số tiền là: 57.653.474.164 đồng

✓ Mẫu số 02: Các khoản giảm trừ doanh thu

Trong kỳ không phát sinh

Số tiền là: 0 đồng

Biểu số 2.8 Bảng cân đối số phát sinh tài khoản

Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình
18/C8 đường vòng Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S04-DNN
(Ban hành QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Tài khoản		Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
111	Tiền mặt	272.774.167		67.779.100.286	67.869.703.123	182.171.330	
112	Tiền gửi ngân hàng	46.851.915		75.190.193.155	75.231.997.322	5.047.748	
131	Phải thu khách hàng	111.863.520		20.979.423.513	20.885.526.793	205.760.240	
133	Thuế GTGT được khấu trừ			5.758.952.736	5.758.952.736	-	
138	Phải thu khác			87.252.306	87.252.306	-	
153	Công cụ, dụng cụ	125.534.092		18.694.545	33.276.573	110.952.064	
156	Hàng hóa	4.181.052.822		57.013.108.486	57.067.359.587	4.126.801.721	
211	Tài sản cố định	971.070.909		68.404.000	0	1.039.474.909	
214	Hao mòn tài sản cố định		198.808.577	0	124.602.716		323.411.293
311	Vay ngắn hạn		4.802.197.269	11.190.525.724	13.858.950.332		7.470.621.877
331	Phải trả người bán		142.256.439	65.095.257.444	62.186.152.795	2.766.848.210	-
333	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	526.944.863	3.780.000	863.842.910	885.495.307	520.550.983	19.038.517
334	Phải trả người lao động		-	832.780.000	832.780.000		-
338	Phải trả phải nộp khác		-	37.107.180	37.107.180		-
411	Nguồn vốn kinh doanh		998.000.000	0	0		998.000.000
421	Lợi nhuận chưa phân phối		91.050.003		55.485.515		146.535.518
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp			57.653.474.164	57.653.474.164		

Hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình

	dịch vụ						
515	Doanh thu hoạt động tài chính			6.633.383	6.633.383		
632	Giá vốn hàng bán			57.067.359.587	57.067.359.587		
635	Chi phí tài chính			92.634.485	92.634.485		
642	Chi phí quản lý kinh doanh			1.619.805.077	1.619.805.077		
711	Thu nhập khác			1.189.048.496	1.189.048.496		
821	Chi phí thuế TNDN			13.871.379	13.871.379		
911	Xác định kết quả kinh doanh			58.849.156.043	58.849.156.043		
	Tổng cộng	6.236.092.288	6.236.092.288	481.406.624.899	481.406.624.899	8.957.607.205	8.957.607.205

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình)

✓ **Mã số 10: Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

$$\text{Mã số 10} = \text{Mã số 01} - \text{Mã số 02}$$

Số tiền là: $57.653.474.164 - 0 = 57.653.474.164$ đồng

✓ **Mã số 11: Giá vốn hàng bán**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Có TK 632 "Giá vốn hàng bán" đối ứng với bên Nợ của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái hoặc nhật ký-sổ cái TK 632.

Số tiền là: $57.067.359.587$ đồng

✓ **Mã số 20: Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

$$\text{Mã số 20} = \text{Mã số 10} - \text{Mã số 11}$$

Số tiền là: $57.653.474.164 - 57.067.359.587 = 586.114.577$ đồng

✓ **Mã số 21: Doanh thu hoạt động tài chính**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Nợ TK 515 "Doanh thu hoạt động tài chính" đối ứng với bên Có của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái, nhật ký-sổ cái TK 515.

Số tiền là: $6.633.383$ đồng

✓ **Mã số 22: Chi phí tài chính**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Có tài khoản 635 "Chi phí tài chính" đối ứng với bên Nợ của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái hoặc nhật ký sổ cái hoặc nhật ký sổ cái TK 635.

Số tiền là : $92.634.485$ đồng

✓ **Mã số 23: Chi phí lãi vay**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào Sổ kế toán chi tiết tài khoản 635 "Chi phí tài chính". Trong năm chỉ tiêu này không phát sinh.

Số tiền là: 0 đồng

✓ **Mã số 24: Chi phí quản lý kinh doanh**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng cộng số phát sinh bên có của TK642 "Chi phí quản lý kinh doanh", đối ứng với bên Nợ TK911 trong năm báo cáo trên sổ cái hoặc nhật ký- sổ cái TK 642.

Số tiền là: $1.619.805.077$ đồng

✓ **Mã số 30: Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**

$$\text{Mã số 30} = \text{Mã số 20} + (\text{Mã số 21} - \text{Mã số 22}) - \text{Mã số 24} .$$

Số tiền là:

$586.114.577 + 6.633.383 - 92.634.485 - 1.619.805.077 = (1.119.691.602)$ đồng

✓ **Mã số 31: Thu nhập khác**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh Nợ tài khoản 711 "Thu nhập khác" đối ứng với bên Có của TK 911 trong kỳ báo cáo trên sổ cái hoặc nhật ký-sổ cái TK 711.

Số tiền là : 1.189.048.496 đồng

✓ **Mã số 32: Chi phí khác**

Chỉ tiêu này không phát sinh trong năm; *Số tiền là : 0 đồng*

✓ **Mã số 40: Lợi nhuận khác**

$$\text{Mã số 40} = \text{Mã số 31} - \text{Mã số 32}$$

Số tiền là: 1.189.048.496 - 0 = 1.189.048.496 đồng

✓ **Mã số 50: Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**

$$\text{Mã số 50} = \text{Mã số 30} + \text{Mã số 40}$$

Số tiền là: (1.119.691.602) + 1.189.048.496 = 69.356.894 đồng

✓ **Mã số 51: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng phát sinh bên Có TK 821 "Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp" đối ứng với bên Nợ TK 911 toán chi tiết TK 821.

Số tiền là: 13.871.379 đồng

▪ **Mã số 60: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**

$$\text{Mã số 60} = \text{Mã số 50} - \text{Mã số 51}$$

Số tiền là: 69.356.894 - 13.871.379 = 55.485.515 đồng

Từ số liệu trên, bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình (Biểu số 2.9) được thể hiện dưới đây.

❖ **Bước 6: Kiểm tra và ký duyệt**

Khi lập xong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thì kế toán trưởng kiểm tra lại một lần nữa để đảm bảo đúng cũng như chính xác sổ sách, khi đã kiểm tra xong in và ký duyệt. Cuối cùng bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các báo cáo tài chính khác sẽ được kế toán trưởng trình lên Giám đốc để xem xét và ký duyệt. Như vậy, công tác lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình đã được hoàn thành.

Biểu số 2.9 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty

Cty TNHH thực phẩm khẩu vị Gia Đình
18/C8 Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số B02 – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	(1)	(2)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	57.653.474.164	51.192.727.512
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		57.653.474.164	51.192.727.512
4. Giá vốn hàng bán	11		57.067.359.587	50.545.993.450
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		586.114.577	646.734.062
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		6.633.383	2.583.790
7. Chi phí tài chính	22		92.634.485	71.858.326
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.619.805.077	1.377.888.512
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		(1.119.691.602)	(800.428.986)
10. Thu nhập khác	31		1.189.048.496	927.126.979
11. Chi phí khác	32		0	68.782.381
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.189.048.496	858.344.598
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09	69.356.894	57.915.612
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		13.871.379	11.583.122
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		55.485.515	46.332.490

Lập, ngày ..30...tháng..03...năm ..2016..

Người lập biểu
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng Tài chính kế toán Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình)

2.3. Thực tế công tác phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình

Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình mới chỉ hoàn thành công tác lập mà chưa tiến hành phân tích báo cáo tài chính nói chung và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DANH TẠI CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM KHẨU VỊ GIA ĐÌNH

3.1. Định hướng phát triển của Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình

Việt Nam đang có một nền kinh tế phát triển mạnh mẽ. Mới đây với việc kí kết hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) đã giúp cho Việt Nam có một bước tiến mới rõ rệt hơn và được đánh giá sẽ hưởng lợi lớn từ TPP, nhất là các lĩnh vực dệt may, đồ gỗ...Song những thuận lợi đó cũng đem lại những thách thức cho nhiều doanh nghiệp trong nước và đặt ra câu hỏi làm sao có thể đáp ứng được những yêu cầu khắt khe của thị trường và của người tiêu dùng đưa ra. Là một công ty với bề dày 6 năm kinh nghiệm của ngành phân phối thực phẩm ra thị trường, Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình cũng đã có những định hướng phát triển để làm sao đáp ứng được những nhu cầu mà thị trường đề ra như sau:

Công ty sẽ đảm bảo các cam kết đã ký trong hợp đồng mua bán, hợp đồng tín dụng với các công ty liên kết, các đối tác một cách nghiêm túc nhất, tuân thủ đúng như những gì đã đề ra trong hợp đồng.

Công ty tiếp tục tìm kiếm thị trường, các hoạt động Marketing sẽ được triển khai một cách cụ thể, rõ ràng cho từng thị trường nhỏ nhằm mở rộng các hoạt động phân phối thực phẩm nhân rộng ra ngoài khu vực.

Công ty sẽ thường xuyên kiểm tra hàng hóa, cách bảo quản để tránh tình trạng kho lưu trữ hàng bị kém chất lượng (mối mọt, ẩm thấp) làm ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm.

Công ty sẽ chú trọng đến các mặt hàng đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm đã được kiểm định để đem lại cho người tiêu dùng sự tin cậy và chất lượng mặt hàng đảm bảo nhất.

Công ty hướng đến việc đẩy mạnh chăm lo đời sống vật chất cũng như tinh thần cho cán bộ công nhân viên của Công ty, đẩy mạnh đào tạo trình độ và nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên và nâng cao nguồn thu nhập cho cán bộ công nhân viên trong thời gian tới.

Ngoài ra Công ty nên khai thác và sử dụng hiệu quả các loại nguồn vốn, đơn đốc việc thu hồi công nợ, nâng cao hoạt động tài chính.

3.2. Đánh giá chung về công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình

3.2.1. Ưu điểm công tác lập, phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình

🚧 Về tổ chức bộ máy quản lý

Tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình thì bộ máy quản lý được tổ chức một cách hiệu quả, khoa học và hợp lý phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Công ty.

Phòng làm việc, kho, chỗ để xe được bố trí hợp lý giúp cho cán bộ công nhân viên dễ đi lại, phù hợp với chức năng giữa các ban ngành phối hợp với nhau thành một bộ máy hoạt động nhập xuất và phân phối có hiệu quả, tiết kiệm chi phí nhân công cũng như chi phí vận chuyển. Nhờ vậy, tổ chức quản lý của Công ty được gọn nhẹ và hoạt động hết năng suất.

🚧 Về tổ chức bộ máy kế toán

Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình có một đội ngũ nhân viên có năng lực và vô cùng nhiệt tình trong công việc, giúp quản lý được bộ máy kế toán một cách tương đối chặt chẽ, các công tác hạch toán được xác định rất nhanh, gọn và chính xác.

Nhân viên phòng Tài chính-kế toán của Công ty luôn đề cao tinh thần và trách nhiệm của từng cá nhân trong công việc để đem lại năng suất cũng như hiệu quả cao trong công việc. Tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình có một kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp là người phụ trách kiểm tra, xem xét và kí duyệt sổ sách, chứng từ mà kế toán ngành hàng báo cáo lên, còn lại các kế toán ngành hàng (Diana/Kinh Đô/Nutifood/Kao) sẽ có trách nhiệm đảm nhiệm việc nhập xuất tồn của các mặt hàng liên quan đến nhãn hàng mà mình phụ trách, tổng hợp lại và thông báo cho kế toán trưởng.

Ngoài ra kế toán ngành hàng Kao có công việc như các kế toán ngành hàng còn lại nhưng đảm nhiệm thêm nhiệm vụ Thủ quỹ của Công ty. Việc phân rõ trách nhiệm của từng cá nhân như vậy giúp cho Công ty có một hệ thống kế toán nhanh gọn, đem lại hiệu quả cao và đề cao tính trách nhiệm của mỗi kế toán viên về phần việc mà mình phụ trách. Công ty luôn cử các cán bộ nhân viên trong phòng Tài chính-kế toán đi học tập và nắm bắt các chính sách mới do Bộ đề ra.

Qua đó có thể thấy rằng việc tổ chức bộ máy kế toán của Công ty đã và đang đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, đem lại lợi ích và mang đến hiệu quả cao .

- Về chính sách, chế độ kế toán

Tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình, việc sử dụng tài khoản kế toán tại Công ty được các kế toán viên áp dụng đúng chế độ kế toán theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC. Sổ sách, các chứng từ kế toán được tổ chức hợp lệ, hợp pháp, đầy đủ theo quy định của Bộ Tài chính.

- Về hình thức kế toán và công tác hạch toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán ‘Nhật ký chung’ phù hợp với quy mô và cơ cấu tổ chức quản lý trong Công ty. Sổ sách kế toán được mở và ghi chép đầy đủ, kịp thời, đảm bảo được tính thống nhất về phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế, đảm bảo các số liệu kế toán phản ánh trung thực, hợp lý, rõ ràng và dễ hiểu. Ngoài ra với sự giúp đỡ của máy tính thì công tác kế toán tại Công ty đã giảm bớt được tính phức tạp.

+ Về hệ thống báo cáo tài chính

Hệ thống báo cáo tài chính của Công ty được lập theo đúng chế độ và chuẩn mực quy định. Báo cáo tài chính được lập kịp thời và chính xác.

+ Về công tác lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình công tác lập báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh được vận dụng dựa trên chế độ sổ kế toán, kế toán xác định các chỉ tiêu cụ thể trên bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được lập theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 14/09/2006.

Kế toán hạch toán doanh thu và chi phí một cách nhanh chóng, chính xác, kịp thời giúp cho việc lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được nhanh, gọn, hiệu quả.

Việc lập và trình bày các chỉ tiêu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ đúng theo yêu cầu và 6 nguyên tắc được quy định tại ‘Chuẩn mực kế toán số 21-Trình bày báo cáo tài chính ban hành ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính’

3.2.2. Hạn chế công tác lập, phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình

✚ Về hệ thống chứng từ và luân chuyển chứng từ

Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình là Công ty chuyên phân phối các sản phẩm liên quan đến mặt hàng bánh kẹo liên kết với các công ty lớn như Kinh Đô, Nutifood, Kao, Diana.v...v. Chính vì vậy mà Công ty luôn có một lượng hàng lớn nhập và giao hàng thường xuyên cho các đối tác. Điều đó là nguyên nhân làm cho hệ thống chứng từ của Công ty là tương đối lớn.

Không những vậy, từ năm 2015 Công ty bắt đầu địa bàn hoạt động sang các tỉnh khác như Hưng Yên, Hải Dương, Quảng Ninh nên việc vận chuyển chứng từ đôi khi cũng bị chậm trễ do một số nguyên nhân có thể là do xa xôi, điều kiện thời tiết thất thường.

Bên cạnh đó, Công ty chưa mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu và giá vốn hàng bán của từng mặt hàng việc đó sẽ làm cho việc theo dõi và xác định lãi lỗ của từng mặt hàng khó khăn và Giám đốc sẽ khó mà đưa ra được các quyết định đúng đắn cho doanh nghiệp.

✚ Về việc áp dụng hình thức kế toán máy

Công ty tuy là công ty nhỏ nhưng số lượng hàng hóa phải xử lý hàng ngày và khối lượng hóa đơn trong ngày rất nhiều, các mặt hàng bánh kẹo lại rất đa dạng, có nhiều mã hàng nên việc quản lý rất khó khăn đặc biệt là khi Công ty chưa có phần mềm kế toán mà mới chỉ sử dụng phần mềm excel cũng như ghi chép thủ công các nghiệp vụ phát sinh, điều đó dẫn đến việc lặp lại chứng từ các nghiệp vụ dễ xảy ra hơn, khó quản lý hơn và phải phụ thuộc rất nhiều đến trình độ tay nghề cũng như năng lực của kế toán viên. Vì vậy mà Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán máy để đáp ứng được những nhu cầu và khắc phục những khó khăn trên để việc quản lý sổ sách, các chứng từ được quy hoạch một cách cụ thể hơn, hợp lý, dễ kiểm tra, xác minh và không vị nhầm lẫn và đỡ tốn công sức của kế toán viên.

✚ Về công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tại Công ty kế toán trưởng là người trực tiếp kiểm tra cũng như đối chiếu sổ sách để đảm bảo số liệu và sổ sách được chính xác, trung thực trong quá trình lập báo cáo tài chính nói chung và lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng nên không có thời gian để đi sâu vào phân tích sâu bảng Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Do vậy các quyết định của nhà quản lý đưa ra có thể chưa có cơ sở cũng như căn cứ khoa học chính xác và hợp lý. Việc này dẫn đến việc Công ty không thấy được thực lực tài chính cũng như những nguy cơ tiềm ẩn hay xu hướng biến động ảnh hưởng đến các kết quả kinh tế và các quyết định kinh tế trong tương lai. Chính những tồn tại này đã gây khó khăn cho Công ty trong công tác quản lý tài chính cũng như tìm kiếm các giải pháp nhằm tăng lợi nhuận và tiết kiệm.

3.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình

Dựa trên những hạn chế trong công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình cũng như vận dụng kiến thức đã học và được các thầy cô chỉ dạy, em xin nêu ra một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình như sau:

3.3.1. Ý kiến thứ nhất: Công ty nên lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và mở sổ chi tiết doanh thu, giá vốn hàng bán để xác định lãi lỗ của từng mặt hàng

Công ty nên lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ để theo dõi kết quả kinh doanh của từng quý cũng như tình hình biến động tài chính của Công ty trong quý. Từ đó Công ty sẽ sớm đưa ra các quyết định quản lý tài chính một cách kịp thời.

Ngoài ra, Công ty cũng nên mở sổ chi tiết bán hàng để theo dõi doanh thu, mở sổ chi tiết giá vốn hàng bán từng mặt hàng nhằm xác định lãi lỗ của từng mặt hàng giúp nhà quản lý đưa ra các quyết định đúng đắn nên đầu tư mặt hàng nào và giảm mặt hàng nào để đáp ứng được nhu cầu của thị trường giúp đem lại lợi nhuận cao cho Công ty. (Công ty có thể tham khảo và áp dụng hệ thống sổ sách kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC để hoàn thiện hơn về hệ thống sổ sách kế toán của Công ty mình sao cho phù hợp với đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý của Công ty).

Dưới đây là mẫu sổ chi tiết bán hàng (Biểu số 3.1), sổ chi tiết giá vốn hàng bán (Biểu số 3.2) và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Biểu số 3.3) mà Công ty nên làm .

Biểu số 3.1 Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị :

Mẫu số S17-DNN

Địa chỉ :

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hoá ,dịch vụ,bắt đầu sản đầu tư):.....

Năm.....

Quyển số :.....

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5212, 5231)
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

- Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:

Ngàytháng năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 3.2 Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

TK:.....

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư)...

Tháng.....năm

Đơn vị tính:.....

Ngày tháng ghi số	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	Giá vốn hàng bán				
	Số hiệu	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền		
							Nợ	Có	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	
			Cộng số phát sinh						

Ngày.....tháng năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 3.3 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

Cty TNHH thực phẩm khẩu vị Gia Đình
18/C8 Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số B02-DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý..... Năm.....

Đơn vị tính:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
A	B	C	(1)	(2)		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10					
4. Giá vốn hàng bán	11					
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20					
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21					
7. Chi phí tài chính	22					
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24					
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30					
10. Thu nhập khác	31					
11. Chi phí khác	32					
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40					
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	IV.09				
14. Chi phí thuế TNDN	51					
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60					

Lập, ngàytháng.....năm ...

Người lập biểu
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi họ tên, đóng dấu)

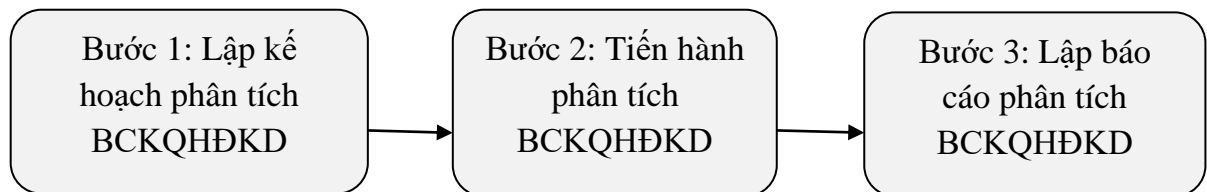
3.3.2. Ý kiến thứ hai: Công ty nên tiến hành phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình hiện nay chưa tiến hành phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thông qua việc phân tích kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty mà các nhà quản trị doanh nghiệp có thể đưa ra những quyết định đúng đắn và hợp lý. Để cho công tác phân tích đạt được hiệu quả rõ ràng nhất, Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình nên lập kế hoạch phân tích cụ thể một cách chi tiết.

Với quan điểm cá nhân của bản thân em qua quá trình học tập và sự hướng dẫn của thầy cô thì theo em Công ty có thể tiến hành phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo trình tự như sau:

3.3.2.1. Xây dựng quy trình phân tích BCKQHĐKD



Sơ đồ 3.1 Quy trình phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

🚦 Bước 1: Lập kế hoạch phân tích BCKQHĐKD

Để lập kế hoạch phân tích BCKQHĐKD cần phải phân tích rõ ràng từng mục tiêu bởi vì từng mục tiêu khác nhau thì phân tích cũng khác nhau.

- Xác định các chỉ tiêu cần phân tích trong BCKQHĐKD
- Xác định khoảng thời gian mà chỉ tiêu đó khi phát sinh và khi hoàn thành
- Xác định khoảng thời gian khi bắt đầu, thời hạn khi kết thúc quá trình phân tích BCKQHĐKD.
- Xác định chi phí cần thiết và người thực hiện công việc phân tích BCKQHĐKD.

🚦 Bước 2: Tiến hành phân tích BCKQHĐKD

Việc phân tích dựa trên số liệu đã thu thập được, việc phân tích phải chú trọng đến chiều sâu và các chỉ tiêu phải bám sát mục tiêu phân tích, phải chú trọng

hơn đến những chỉ tiêu có những sự thay đổi rõ rệt, những chỉ tiêu quan trọng. Khi tính toán xong kế toán xác định hệ thống các chỉ tiêu và lập bảng tiêu đề cho các chỉ tiêu cùng với những phương pháp đã chọn để phân tích theo mục tiêu đã đề ra. Sau khi phân tích kế toán sẽ lập bảng đánh giá tổng hợp cùng với đánh giá chi tiết.

✚ Bước 3: Lập báo cáo phân tích BCKQHĐKD

Báo cáo phân tích là bảng tổng hợp các kết quả tính toán cũng như phân tích các chỉ tiêu trong bảng BCKQHĐKD. Đó là đánh giá ưu, nhược điểm chủ yếu trong công tác quản lý và những nguyên nhân cơ bản đã tác động tích cực, tiêu cực đến kết quả đó. Từ đó Công ty sẽ đưa ra được các biện pháp cụ thể nhằm khắc phục khả năng khai thác tiềm năng trong thời gian tới.

Qua việc phân tích điểm mạnh, điểm yếu hay tiềm năng của từng mặt hoạt động kinh doanh, Công ty cần nêu ra được những phương hướng đổi mới trong lĩnh vực kinh doanh. Các định hướng trong giai đoạn trong tương lai cần phải được cụ thể hóa thành những giải pháp tốt trong báo cáo phân tích tài chính.

3.3.2.2. Thực hiện tiến hành phân tích BCKQHĐKD

a. Phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh theo chiều ngang

Ta tiến hành phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh theo chiều ngang (Bảng 3.1).

* Qua bảng phân tích BCKQHĐKD theo chiều ngang ta nhận thấy rằng :

- Tổng doanh thu của Công ty năm 2015 so với năm 2014 tăng 6.460.746.652 tương đương với 12,62%.
- Doanh thu thuần từ hoạt động KD của Công ty năm 2015 so với năm 2014 tăng 6.460.746.652 tương đương với 12,62% làm lợi nhuận gộp tăng 6.460.746.652 đồng, đồng thời làm lợi nhuận sau thuế tăng 6.460.746.652 đồng.
- Giá vốn hàng bán tăng 6.521.366.137 đồng tương đương tăng 12,90 % làm lợi nhuận gộp giảm 6.521.366.137 đồng, đồng thời làm cho lợi nhuận sau thuế giảm 6.521.366.137 đồng.
- Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty năm 2015 so với năm 2014 tăng 4.049.593 đồng tương đương với 157% làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 4.049.593 đồng do đó lợi nhuận sau thuế tăng 4.049.593 đồng.
- Chi phí quản lý kinh doanh tăng 241.916.565 đồng tương đương với 17,55% làm lợi nhuận thuần giảm 241.916.565 đồng, đồng thời làm cho lợi nhuận sau thuế cũng giảm 241.916.565 đồng.

Bảng 3.1 Phân tích BCKQHĐKD theo chiều ngang

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2014	Chênh lệch +/-	
			Số tiền	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.653.474.164	51.192.727.512	+ 6.460.746.652	+ 12,62
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	57.653.474.164	51.192.727.512	+ 6.460.746.652	+ 12,62
4. Giá vốn hàng bán	57.067.359.587	50.545.993.450	+ 6.521.366.137	+ 12,90
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	586.114.577	646.734.062	- 60.619.485	- 9,37
6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.633.383	2.583.790	+ 4.049.593	+ 157
7. Chi phí tài chính	92.634.485	71.858.326	+ 20.776.159	+ 28,91
- Trong đó: Chi phí lãi vay	0	0	0	0
8. Chi phí quản lý kinh doanh	1.619.805.077	1.377.888.512	+ 241.916.565	+ 17,55
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	(1.119.691.602)	(800.428.986)	- 319.262.616	- 39,89
10. Thu nhập khác	1.189.048.496	927.126.979	+ 261.921.517	+ 28,25
11. Chi phí khác	0	68.782.381	- 68.782.381	- 100
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	1.189.048.496	858.344.598	+ 330.703.898	+ 38,53
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	69.356.894	57.915.612	+ 11.441.282	+ 19,76
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	13.871.379	11.583.122	+ 2.288.257	+ 19,76
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	55.485.515	46.332.490	+ 9.153.025	+ 19,76

- Chi phí tài chính tăng 20.776.159 đồng tương đương với 28,91% làm cho lợi nhuận giảm 20.776.159 đồng đồng thời làm cho lợi nhuận sau thuế cũng giảm 20.776.159 đồng.

- Thu nhập khác năm 2015 so với năm 2014 tăng 261.921.517 đồng tương đương với 28,25% làm cho lợi nhuận trước thuế tăng 261.921.517 đồng do đó lợi nhuận sau thuế tăng 261.921.517 đồng.
- Chi phí khác giảm 68.782.381 đồng tương đương 100% làm cho lợi nhuận trước thuế tăng 68.782.381 đồng đồng thời làm cho lợi nhuận sau thuế tăng 68.782.381 đồng.
- Chi phí thuế TNDN tăng 2.288.257 đồng tương đương 19,76 % làm cho lợi nhuận sau thuế giảm 2.288.257 đồng.

Tổng hợp lại các phân tích trên ta rút ra được những yếu tố làm tăng và giảm lợi nhuận của Công ty như sau:

- *Chỉ tiêu làm tăng lợi nhuận:*

Doanh thu thuần:	6.460.746.652	đồng
Doanh thu hoạt động tài chính :	4.049.593	đồng
Chi phí khác:	68.782.381	đồng
Thu nhập khác:	261.921.517	đồng

Tổng tăng

6.795.500.143 đồng

- *Chỉ tiêu làm giảm lợi nhuận:*

Giá vốn hàng bán:	6.521.366.137	đồng
Chi phí tài chính:	20.776.159	đồng
Chi phí quản lý kinh doanh:	241.916.565	đồng
Chi phí thuế TNDN:	2.288.257	đồng

Tổng giảm

6.786.347.118 đồng

Sau khi bù trừ những chỉ tiêu làm tăng và giảm lợi nhuận ở trên ta thấy lợi nhuận sau thuế năm 2015 tăng so với năm 2014 là 9.153.025 đồng tương đương với 19,76 %. Điều này cho thấy rằng năm 2015 Công ty đã làm ăn đạt hiệu quả hơn năm 2014. Nguyên nhân có thể là do năm 2015 Công ty đã biết tiết kiệm những chi phí không cần thiết. Ngoài ra, trong năm 2015 việc mở rộng địa bàn có thể đã đem lại doanh thu và nguồn thu nhập tốt hơn năm 2014 cho Công ty. Tuy nhiên, do đầu vào nguyên vật liệu năm 2015 tăng lên dẫn đến giá vốn hàng bán khi nhập vào cao hơn so với năm 2014 làm cho lợi nhuận của Công ty cũng một phần giảm đi. Không những vậy, chi phí quản lý kinh doanh và chi phí tài chính tăng cũng là nguyên nhân làm cho lợi nhuận giảm, có thể là do trình độ

quản lý kinh doanh cũng như tình hình sử dụng lao động...trong kỳ của doanh nghiệp còn hạn chế, chưa thực sự đúng đắn. Công ty nên xem xét, kiểm tra và khắc phục những nguyên nhân đã làm cho những chi phí này tăng hơn so với năm 2014 để từ đó rút ra kinh nghiệm và tìm giải pháp để tiết kiệm được chi phí một cách tốt nhất giúp tăng lợi nhuận.

Nhìn chung, năm 2015 Công ty đã đạt được thành tích tốt giúp lợi nhuận đạt cao hơn so với 2014, điều này rất đáng được tuyên dương. Công ty cần tiếp tục phát huy.

b. Phân tích cơ cấu doanh thu, giá vốn hàng bán và chi phí quản lý kinh doanh

Để đánh giá tình hình biến động của doanh thu, giá vốn hàng bán và chi phí quản lý kinh doanh của Công ty, ta phân tích sự biến động của giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh theo chiều dọc (Bảng 3.2) để từ đó giúp cho Công ty hoạt động tốt hơn, tiết kiệm chi phí hơn và tạo được uy tín hơn trên thị trường.

Bảng 3.2 Phân tích sự biến động của giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh qua hai năm 2014 và 2015.

STT	Chỉ tiêu	Năm 2015		Năm 2014	
		Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Doanh thu	57.653.474.164	100	51.192.727.512	100
2	Giá vốn hàng bán	57.067.359.587	98,98	50.545.993.450	98,74
3	Lợi nhuận gộp	586.114.577	1,02	646.734.062	1.26
4	Chi phí tài chính	92.634.485	0,16	71.858.326	0,14
5	Chi phí quản lý kinh doanh	1.619.805.077	2.81	1.377.888.512	2,69
6	Chi phí khác	0	0	68.782.381	0,13
7	Lợi nhuận trước thuế	69.356.894	0,12	57.915.612	0,11

* Qua bảng 3.2 ta có thể nhận thấy những điều sau:

 *Doanh thu*

Qua bảng 3.2 ta có thể thấy rằng năm 2015 có doanh thu tăng so với năm 2014. Năm 2015 doanh thu của Công ty tăng 6.460.746.652 đồng. Nguyên nhân có thể

là do từ năm 2015 Công ty đã có chiến lược kinh doanh phù hợp hơn, Công ty đã tạo được mối quan hệ nhiều hơn, mở rộng địa bàn hoạt động sang các tỉnh lân cận như Hưng Yên, Quảng Ninh, Hải Dương. Công ty luôn có thái độ tốt với khách hàng, phục vụ nhiệt tình, chu đáo và chuyên nghiệp là những tác động tích cực giúp tăng số lượng các hợp đồng kinh tế được ký kết. Chính những điều này đã làm doanh thu năm 2015 tăng so với năm 2014. Để đạt được kết quả đó cũng một phần là nhờ có chiến lược kinh doanh cùng đường lối đúng đắn, hợp lý của Giám đốc Công ty, một phần cũng là nhờ tinh thần làm việc trách nhiệm cao và thái độ luôn cầu tiến, cố gắng của toàn bộ cán bộ công nhân viên của Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.

Giá vốn hàng bán:

Qua 2 năm 2014 và 2015 tỷ trọng giá vốn hàng bán trong doanh thu của Công ty có xu hướng tăng lên nhưng không đáng kể chỉ tăng 0,25% so với năm 2014. Nguyên nhân có thể là do giá xăng tăng làm cho các chi phí vận chuyển và bốc dỡ hàng hóa và giá cả hàng hóa, dịch vụ tăng lên.

Lợi nhuận gộp:

Qua bảng 3.2 ta có thể thấy rằng năm 2015 có lợi nhuận gộp giảm so với năm 2014. Năm 2015 lợi nhuận gộp của Công ty giảm 60.619.485 đồng, tương ứng với tỷ lệ giảm 0,24%. Nguyên nhân có thể là do đầu vào của hàng hóa khi nhập vào tăng lên (chi phí xăng xe, vận chuyển,...) làm cho Giá vốn hàng bán năm 2015 tăng so với năm 2014 kéo theo lợi nhuận gộp 2015 giảm. Công ty cần xem xét lại vấn đề giá cả khi nhập vào sao cho tiết kiệm được chi phí nhất có thể.


Chi phí quản lý kinh doanh:

Qua bảng 3.2 ta nhận thấy rằng trong năm 2015 tỷ trọng chi phí quản lý kinh doanh trên doanh thu là 2,81% tăng 0,12% so với năm 2014. Chi phí quản lý kinh doanh tăng có thể là do chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên quản lý trong Công ty, do chi phí tiền lương tăng hoặc cũng có thể là do chi phí công tác của cán bộ công nhân viên trong Công ty tăng. Tuy chi phí quản lý kinh doanh của Công ty có xu hướng tăng lên, nhưng các chi phí này tăng đều là những chi phí giúp cho Công ty hoạt động tốt hơn, giúp nâng cao uy tín của Công ty trên thị trường, vì vậy các chi phí này không nên hạn chế. Ngoài ra, Công ty cũng nên xây dựng thêm kế hoạch chi phí cụ thể rõ ràng hơn cho từng khoản mục để tiết kiệm chi phí khác trong khâu quản lý không thực sự cần thiết cho doanh nghiệp.


Chi phí tài chính:

Qua bảng 3.2 ta thấy trong năm 2014 chi phí tài chính của Công ty chiếm tỷ trọng 0,14% trên doanh thu. Trong năm 2015 tỷ trọng của chỉ tiêu này tăng không đáng kể, tăng thêm 0,02% thành 0,16%.

Nguyên nhân có thể là do vì đặc thù Công ty là phân phối thực phẩm nên sẽ có rất nhiều đơn hàng lớn tăng lên trong năm 2015, Công ty có thể đã sử dụng chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán trước hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng khi mua, bán hàng. Tuy chi phí tài chính tăng lên nhưng việc chiết khấu thanh toán cho khách hàng như vậy sẽ tạo được niềm tin của khách hàng hơn giúp cho doanh nghiệp có thêm nhiều đơn hàng và hợp đồng vì vậy chi phí này không nên hạn chế.

 *Chi phí khác:*

Qua bảng 3.2 ta thấy năm 2014 tỷ trọng chi phí khác trên doanh thu là 0,13% nhưng năm 2015 Công ty không hề phát sinh chi phí này điều này có thể là do Công ty đã biết điều tiết những chi phí không cần thiết cho doanh nghiệp để tránh lãng phí tiền bạc, công sức và điều đó cũng giúp tăng lợi nhuận cho Công ty. Điều này rất đáng được tuyên dương. Công ty nên tiếp tục phát huy hơn nữa.

 *Lợi nhuận trước thuế:*

Qua bảng 3.2 ta thấy lợi nhuận trước thuế năm 2015 tăng so với năm 2014. Năm 2015 tỷ trọng lợi nhuận trước thuế trên doanh thu là 0,12% tăng không đáng kể so với năm 2014 là 0,01%. Tuy chỉ tăng 0,01% nhưng đây cũng đã là thành tích của Công ty vì trong năm 2015 Công ty đã giảm được những khoản chi phí không cần thiết, tuy chi phí tài chính và quản lý kinh doanh tăng nhưng đều là tăng do những nguyên nhân hợp lý, phù hợp với lại những chính sách mà Công ty đã đưa ra.

Công ty nên tiếp tục phát huy những lợi thế mà mình đang có và khắc phục cũng những hạn chế của doanh nghiệp mình.

c. Phân tích khả năng sinh lời

Để phân tích khả năng sinh lời của Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình ta cần có số liệu Vốn chủ sở hữu và Tổng tài sản của Công ty trong 3 năm 2013, 2014 và 2015.

Theo Báo cáo tài chính năm 2014, 2015 thì:

- Tổng tài sản tại ngày 31/12:	Năm 2013: 7.280.910.920	đồng
	Năm 2014: 7.743.629.470	đồng
	Năm 2015: 8.632.808.774	đồng

- *Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12:* Năm 2013: 951.671.026 đồng
 Năm 2014: 993.395.942 đồng
 Năm 2015: 1.143.148.380 đồng

Căn cứ vào số liệu trên BCTC ta xác định được các chỉ tiêu sinh lời năm 2014, 2015 qua bảng phân tích (Bảng 3.3):

Bảng 3.3 Phân tích các tỷ suất sinh lời

Chỉ tiêu	Công thức tính	Đơn vị tính	Năm 2015	Năm 2014	Chênh lệch +/-
Tỷ suất lợi nhuận trên Doanh thu	$\frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Doanh thu}}$	%	0,12	0,11	+ 0,01
Tỷ suất lợi nhuận trên Tổng tài sản	$\frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Tổng tài sản bình quân}}$	%	0,85	0,77	+ 0,08
Tỷ suất lợi nhuận trên Vốn chủ sở hữu	$\frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Vốn CSH bình quân}}$	%	6,49	5,96	+ 0,53

* Qua bảng 3.3 ta có thể nhận thấy những điều sau:

+ *Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu:*

Qua bảng 3.3 ta thấy tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu cho biết năm 2015 thì cứ 100 đồng doanh thu sẽ tạo ra 0,12 đồng lợi nhuận, tỷ số này tăng so với năm 2014 là 0,01%. Tỷ số này dương chứng tỏ Công ty làm ăn có lãi và đạt hiệu quả. Song sự chênh lệch này không nhiều và tăng rất ít.

Nguyên nhân có thể là do trên thị trường phân phối thực phẩm ngày càng có nhiều công ty mới thành lập, nhiều nhà phân phối mọc lên làm cho áp lực cạnh tranh trong thị trường ngày càng lớn. Điều này làm cho lợi nhuận của Công ty có tăng nhưng tăng không đáng kể nhưng đó cũng là nỗ lực của Công ty trong thời gian qua. Công ty nên có những giải pháp và phương án Marketing tốt hơn nữa và tiếp tục phát huy thế mạnh của doanh nghiệp mình.

+ *Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản:*

Qua bảng 3.3 ta thấy tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản cho biết năm 2015 cứ 100 đồng vốn bỏ ra sẽ tạo ra 0,85 đồng lợi nhuận. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản năm 2015 tăng 0.08% so với năm 2014. Tỷ số này dương chứng tỏ năm 2015 Công ty đã làm ăn có lãi và đạt hiệu quả hơn năm 2014.

Nguyên nhân có thể là do Công ty đã biết sử dụng tài sản một cách hợp lý hơn để tạo ra thu nhập cho doanh nghiệp, tuy chưa phải là một thành tích đáng kể nhưng Công ty nên phát huy tiếp và đưa ra những chiến lược hiệu quả hơn nữa.

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu:

Qua bảng 3.3 ta thấy tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu cho biết năm 2015 cứ 100 đồng vốn CSH bỏ ra sẽ tạo ra 6.49 đồng lợi nhuận, so với năm 2014 tỷ số này tăng 0,53%. Tỷ số này dương điều này cho thấy Công ty làm ăn có lãi nhờ những chính sách kịp thời và sửa đổi của mình, doanh nghiệp cần tiếp tục phát huy kế hoạch sử dụng vốn một cách cụ thể hơn và dự đoán những biến động trong kinh doanh trong thời gian sắp tới.

3.3.3. Ý kiến thứ ba Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán máy

Hiện tại Công ty đang dùng phần mềm Exel trên máy tính để tính toán và nhập số liệu, với cách làm thủ công này cùng sổ sách và chứng từ lớn thì đây là cách làm tốn kém rất nhiều thời gian và không đạt hiệu quả cao. Vì vậy, Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán máy để tiết kiệm thời gian và năng suất làm việc. Điều đó sẽ tạo hiệu quả hoạt động và năng suất làm việc cao hơn, dễ sử dụng hơn cũng như giúp doanh nghiệp dễ dàng quản lý hơn.

Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán chuyên nghiệp như MISA, SMART, ECOUNT, Fast Acouting, Adsoft...v..v....

1. Phần mềm kế toán MISA SME.NET.2015 MISA SME.NET.2015

Đây là phần mềm kế toán cho phép doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Cổ đông, Tổng hợp. Phần mềm này hiện tại có 5 cấp độ tùy vào nhu cầu sử dụng của từng doanh nghiệp:

- MISA SME.NET.2015 MISA SME.NET.2015 –Epress: Miễn phí
- MISA SME.NET.2015 MISA SME.NET.2015 – Starter: 2.950.000 đồng
- MISA SME.NET.2015 MISA SME.NET.2015 –Standart: 6.950.000 đồng
- MISA SME.NET.2015 MISA SME.NET.2015–Professional: 8.950.000 đồng
- MISA SME.NET.2015 MISA SME.NET.2015 –Eenterpire : 10.950.000 đồng

Phần mềm này tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế.



Hình 3.1 Giao diện phần mềm kế toán MISA.SME 2015

Phần mềm sử dụng công nghệ Microsoft.NET, cơ sở dữ liệu SQL Server Express, MISA SME.NET 2015 luôn đảm bảo an toàn bảo mật. Đặc biệt, việc sử dụng nghệ hiện đại nhất giúp cho tốc độ in chứng từ, báo cáo nhanh gấp 3 lần so với các sản phẩm trước. Đây là một trong những sản phẩm đầu tiên ở Việt Nam cho phép đối tượng thủ quỹ, thủ kho tham gia vào phần mềm ngoài kế toán, giúp tiết kiệm hơn 50% thời gian công việc của thủ quỹ, thủ kho.

Chuẩn hóa quy trình của doanh nghiệp, tiết kiệm thời gian báo cáo mà không phải lo bị cơ quan thuế phạt vì báo cáo chậm trễ, số liệu chưa chính xác

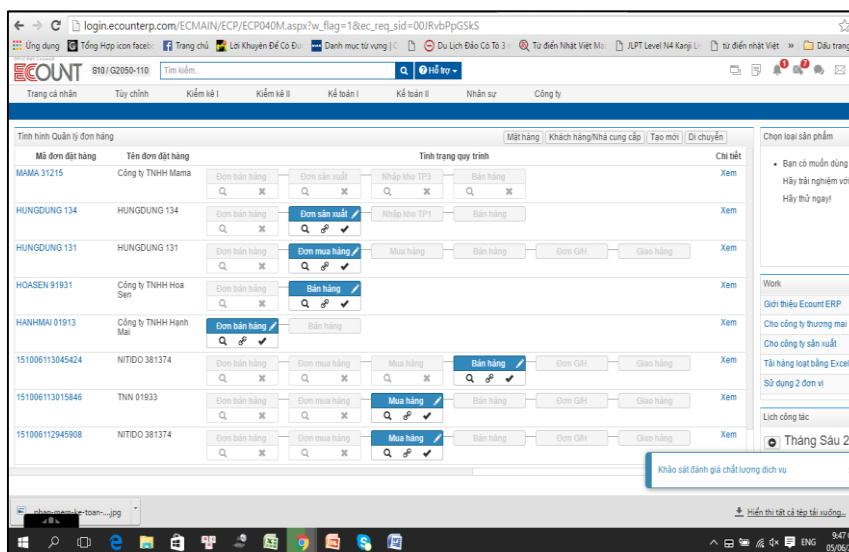
Giúp kế toán trưởng có sẵn số liệu để cung cấp cho ban lãnh đạo, lãnh đạo doanh nghiệp có sẵn báo cáo để ra quyết định kịp thời.

Đặc biệt đối với doanh nghiệp có nhiều chi nhánh, lãnh đạo doanh nghiệp luôn được cung cấp số liệu báo cáo nhanh chóng và dễ dàng đánh giá được hiệu quả kinh doanh của từng chi nhánh.

Tự động sao lưu dữ liệu sau mỗi phiên làm việc, dễ dàng khôi phục lại dữ liệu khi có sự cố xảy ra, dữ liệu kế toán luôn được an toàn khi có sự thay đổi nhân sự kế toán.

2. Phần mềm kế toán máy ECOUNT

Là phần mềm kế toán đăng nhập trực tuyến online chỉ cần đăng nhập bằng tài khoản đã đăng kí, dễ dàng sử dụng, không những thế còn hỗ trợ đa ngôn ngữ như Anh, Hàn, Nhật,..v..v...



Hình 3.2 Giao diện phần mềm kế toán máy ECount

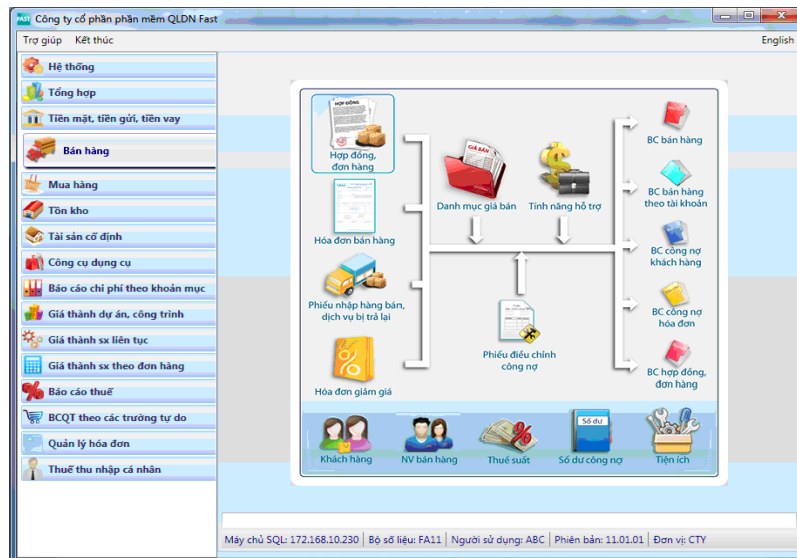
- Chi phí rõ ràng, dùng toàn bộ chức năng chỉ với 1.000.000 VND mỗi tháng (11.000.000 VND cho mỗi năm) mà không có thêm bất cứ phí nào khác.
- Hệ thống phần mềm dịch vụ ERP, người sử dụng có thể truy cập bất cứ đâu trên thế giới.
- Hỗ trợ hoàn toàn miễn phí.
- Không phí bảo trì – ECount bảo trì máy chủ, sao lưu, bảo mật dữ liệu và nâng cấp hệ thống hoàn toàn miễn phí.
- ECount ERP có đầy đủ chức năng cần thiết cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Có thể tạo báo cáo, dự toán dòng tiền, quản lý kế toán, bán hàng, sản xuất, mua hàng, hàng tồn kho trên hệ thống ERP nền tảng điện toán đám mây
- Dùng trong ngành sản xuất, phân phối, bán lẻ và dịch vụ.
- Giảm thiểu lỗi và các công việc thừa.

3. Phần mềm kế toán Fast Accounting

Fast Accounting là phần mềm kế toán dành riêng cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ. Fast Accounting được phát triển và liên tục hoàn thiện từ năm 1997, hiện có hơn 8.500 khách hàng và đạt nhiều giải thưởng khác nhau như Sao Khuê, BIT CUP, sản phẩm được nhiều người sử dụng, CUP CNTT...

Fast Accounting 11 có thể chạy đồng thời dưới dạng ứng dụng web thông qua các trình duyệt phổ biến ví dụ như Internet Explorer, Fire Fox, Chrome... giúp cho người dùng không phải cài đặt phần mềm trên máy tính, chỉ cần truy cập

qua địa chỉ web, gõ tên và mật khẩu là có thể làm việc bình thường. Điều này đặc biệt thuận lợi ngay cả khi làm việc ở xa và khi mở rộng thêm chi nhánh, văn phòng, cửa hàng. Phần mềm kế toán Fast Accounting có 16 phân hệ:



Hình 3.3 Giao diện kế toán Fast Accounting

- Phân hệ quản trị hệ thống
- Phân hệ kế toán tổng hợp
- Phân hệ kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay
- Phân hệ kế toán bán hàng và công nợ phải thu
- Phân hệ kế toán mua hàng và công nợ phải trả
- Phân hệ kế toán công cụ dụng cụ
- Phân hệ báo cáo chi phí theo khoản mục
- Phân hệ kế toán giá thành dự án, công trình xây lắp
- Phân hệ kế toán giá thành sản phẩm sản xuất liên tục
- Phân hệ kế toán giá thành sản phẩm sản xuất theo đơn hàng
- Phân hệ báo cáo thuế
- Phân hệ báo cáo quản trị các trường do người dùng tự định nghĩa
- Phân hệ quản lý hóa đơn
- Quản lý thuế TNC

* Dựa trên đặc thù kinh doanh của Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình, em xin được gợi ý Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán máy dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ là MISA SME.NET 2015 – Starter (Hình 3.3) vì những lý do:

- Có áp dụng cho quyết định 48/2006/QTC-BTC
- Giao diện đẹp, thân thiện, dễ dàng sử dụng.

- Triển khai dễ dàng, nhanh chóng
- Giá thành hợp lí, không đắt đỏ: Giá gói là 2.950.000/gói
- Số lượng chứng từ được nhập tương đối lớn, tối đa là 1.000 chứng từ/năm
- Phần mềm này dễ sử dụng lại có đầy đủ các phân hệ phù hợp với hình thức kinh doanh riêng của Công ty: Quỹ, Thủ Quỹ, Ngân hàng Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hoá đơn, Thuế, Kho, Thủ Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp.



Hình 3.4 Các phân hệ của kế toán máy MISA SME.NET 2015-Starter

KẾT LUẬN

Đề tài khóa luận “Hoàn thiện công tác lập, phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình” đã giải quyết được 1 số vấn đề sau:

- Về mặt lý luận:
 - Hệ thống hóa được những vấn đề chung về công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
 - Hệ thống hóa được những lý luận về công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, đánh giá khái quát được tình hình tài chính trong doanh nghiệp.
- Về mặt thực tiễn:
 - Đề tài đã phản ánh thực tế công tác lập, phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.
 - Đề tài đã đánh giá được ưu, nhược điểm trong công tác kế toán nói chung, công tác lập, phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nói riêng .
 - Đề tài đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như công tác lập, phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.

Do thời gian và kiến thức còn hạn hẹp nên bài viết của em không tránh khỏi thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý giúp đỡ của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của *Thạc sĩ Hòa Thị Thanh Hương*, các thầy, cô giáo Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, Ban lãnh đạo và các cán bộ kế toán ở phòng Tài chính-kế toán tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình đã giúp em hoàn thành bài khóa luận của mình.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Phạm Mai Anh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quản trị tài chính doanh nghiệp-NXB tài chính năm 2001
2. Kế toán tài chính-NXB Thống kê TS Phan Đức Dũng 2009
3. Chế độ kế toán doanh nghiệp, quyển 1-Hệ thống tài khoản kế toán-Nhà xuất bản tài chính, tháng 05/2006.
4. Chế độ kế toán doanh nghiệp quyển 2-Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ kế toán và sơ đồ kế toán -Nhà xuất bản tài chính, tháng 05/2006.
5. Đọc, lập và phân tích Báo cáo tài chính doanh nghiệp-Nhà xuất bản thống kê-PGS TS Nguyễn Thế Chi và TS Vũ Công Tý.
6. Tài liệu tham khảo tại Phòng Tài chính-Kế toán tại Công ty TNHH Thực phẩm khẩu vị Gia Đình.

